

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC
TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
TỰ NHIÊN – XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC**

**Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. HOÀNG PHÚC NGÂN
Đơn vị: PHÒNG CHÍNH TRỊ & CTHSSV**

NINH BÌNH, 2024

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC
TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
TỰ NHIÊN – XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. HOÀNG PHÚC NGÂN

Đơn vị: PHÒNG CHÍNH TRỊ & CTHSSV

Các thành viên: ThS. NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN

KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

ThS. NGUYỄN THỊ MỸ,

TRƯỜNG PTTHSP TRÀNG AN

TS. LÊ NGUYỆT HẢI NINH

KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

TS. LÊ THỊ TÂM

ThS. HOÀNG PHÚC NGÂN

NINH BÌNH, 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	1
1.1. Trên thế giới.....	1
1.2. Ở Việt Nam.....	2
2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN	3
3. Mục tiêu nghiên cứu	5
4. Đối tượng nghiên cứu	5
5. Phạm vi nghiên cứu	5
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	5
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI	6
1.1. Cơ sở lý luận	6
1.1.1. Một số vấn đề lý luận về kỹ thuật dạy học tích cực	6
1.1.2. Một số kỹ thuật dạy học tích cực vận dụng trong đề tài nghiên cứu.....	11
1.1.3. Khái quát về học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học	14
1.1.4. Vai trò của việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.....	17
1.1.5. Đặc điểm của sinh viên sư phạm	18
1.2. Cơ sở thực tiễn	20
1.2.1. Mục đích điều tra	20
1.2.2. Phương pháp và đối tượng điều tra	21
1.2.3. Kết quả điều tra.....	21
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	28
CHƯƠNG 2. VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TỰ NHIÊN – XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC	29
2.1. Thiết kế các hoạt động học tập trong học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội theo hướng vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực	29
2.1.1. Nguyên tắc thiết kế.....	29
2.1.2. Quy trình thiết kế.....	30
2.1.3. Thiết kế một số hoạt động học tập có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.....	30
2.2. Xây dựng kế hoạch bài học vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học	34
2.2.1. Kế hoạch bài học vận dụng kỹ thuật mảnh ghép.....	35

2.2.2. Kế hoạch bài học vận dụng kĩ thuật khăn trải bàn	45
2.2.3. Kế hoạch bài học vận dụng kĩ thuật KWL	50
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	60
CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM.....	61
3.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm	61
3.2. Nội dung thực nghiệm.....	61
3.3. Tiến trình thực nghiệm.....	61
3.3.1. Thời gian thực nghiệm.....	61
3.3.2. Đối tượng thực nghiệm	61
3.3.3. Bố trí thí nghiệm.....	62
3.4. Kết quả thực nghiệm.....	62
3.4.1. Kết quả điều tra phiếu hỏi sinh viên.....	62
3.4.2. Kết quả đánh giá tính tích cực học tập của sinh viên	64
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	68
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	69
1. Kết luận.....	69
2. Kiến nghị	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	71
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Mức độ hiểu biết về kỹ thuật dạy học tích cực.....	21
Bảng 1.2. Nhận thức về kỹ thuật dạy học tích cực	21
Bảng 1.3. Cách thức tìm hiểu kỹ thuật dạy học tích cực	22
Bảng 1.4. Hiệu quả của việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình giảng dạy đối với sinh viên	22
Bảng 1.5. Sự cần thiết của việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.....	23
Bảng 1.6. Mức độ áp dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy	23
Bảng 1.7. Mức độ vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.....	24
Bảng 1.8. Khó khăn của giảng viên khi vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy	25
Bảng 1.9. Hiểu biết của sinh viên về kỹ thuật dạy học tích cực	25
Bảng 1.10. Kênh tiếp cận khái niệm kỹ thuật dạy học tích cực.....	25
Bảng 1.11. Sự hiểu biết về các kỹ thuật dạy học tích cực	26
Bảng 1.12. Hiệu quả sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy	27
Bảng 2.1. Các nội dung có thể vận dụng KTDH tích cực.....	34
Bảng 3.1. Kết quả điều tra phiếu hỏi sinh viên lớp đối chứng.....	62
Bảng 3.2. Kết quả điều tra phiếu hỏi sinh viên lớp thực nghiệm.....	63
Bảng 3.3. Bảng tiêu chí đánh giá tính tích cực học tập của sinh viên khi tham gia hoạt động nhóm.....	64
Bảng 3.4. Bảng kết quả đánh giá tính tích cực trong học tập của sinh viên	65

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

GDPT	Giáo dục phổ thông
KTDH	Kĩ thuật dạy học
PPDH	Phương pháp dạy học

TRANG THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, các trường đại học đặc biệt là các trường đào tạo giáo viên trong những năm qua đã có nhiều nỗ lực, cố gắng đổi mới về phương pháp dạy học, vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo của người học. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi đề cập đến việc vận dụng kỹ thuật dạy học “mảnh ghép”, kỹ thuật “khăn trải bàn” và kỹ thuật “KWL” nhằm phát huy tính tích cực trong học tập của sinh viên khi giảng dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học. Để thực hiện được đề tài, nhóm nghiên cứu đã áp dụng một số phương pháp như: phương pháp nghiên cứu lý thuyết, phương pháp nghiên cứu thực tiễn (gồm điều tra thực trạng, quan sát,...), phương pháp thực nghiệm sư phạm, phương pháp thống kê toán học. Kết quả điều tra và thực nghiệm cho thấy việc cần thiết phải áp dụng các PPDH tích cực cũng như các KTDH trong quá trình giảng dạy để làm tăng hứng thú học tập cho sinh viên, giúp sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn giúp các em hình thành những phẩm chất, kỹ năng cần thiết trong môi trường học tập ở đại học và chuẩn bị tốt cho sự nghiệp tương lai.

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Trên thế giới

Trong xu hướng đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay, việc áp dụng các KTDH tích cực ngày càng trở nên cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng dạy học và đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực người học. Phương pháp dạy học tích cực là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước trên thế giới để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Để học sinh là chủ thể hoạt động thì giáo viên phải là người thiết kế, tổ chức hướng dẫn, tạo nên sự tương tác giữa người dạy và người học có thể bằng cách vận dụng một số kỹ thuật dạy học.

Các nghiên cứu của Piaget (1954) và Vygotsky (1978) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học tập thông qua tương tác xã hội và trải nghiệm thực tế, đặt nền tảng cho các kỹ thuật dạy học hiện đại [19],[21]. Những lý thuyết này được áp dụng thành công ở nhiều quốc gia có nền giáo dục tiên tiến.

David Johnson và Roger Johnson (1994) là những nhà nghiên cứu tiên phong trong việc phát triển mô hình dạy học hợp tác (*Cooperative Learning*), các ông đã chỉ ra rằng việc dạy học hợp tác không chỉ giúp HS nâng cao thành tích học tập mà còn giúp HS rèn luyện một số kỹ năng xã hội [17].

Người đầu tiên giới thiệu kỹ thuật “động não” là Osborn (1953), theo ông đề khuyến khích sự sáng tạo và tư duy linh hoạt cần phải đưa ra được nhiều ý tưởng trong một thời gian ngắn [18]. Những nghiên cứu sau đó như của Isaksen & Gaulin (2005) đã chứng minh được hiệu quả của kỹ thuật “động não” trong việc thúc đẩy tư duy sáng tạo của người học.

Các nghiên cứu liên quan đến phát triển lý thuyết dạy học dự án của Blumenfeld et al. (1991) đã khẳng định môi trường học tập thực tế sẽ giúp học sinh hứng thú hơn và cải thiện khả năng vận dụng kiến thức [15]. Theo nghiên cứu của Thomas (2000) nhấn mạnh việc học theo dự án giúp học sinh kết nối kiến thức lý thuyết với thực tiễn, đem lại hiệu quả trong việc phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề [20].

Theo kết quả nghiên cứu về kết hợp các KTDH tích cực với công nghệ như sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy, các ứng dụng học tập trực tuyến của Fischer & Hebert (2020) đã cho thấy việc ứng dụng công nghệ giúp học sinh hứng thú hơn trong học tập và tăng khả năng tự học của HS [16].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu ngoài nước đều khẳng định hiệu quả của KTDH trong việc tăng cường sự tham gia của học sinh, góp phần phát triển tư duy phản biện, cải thiện kết quả học tập; chú trọng tới sự tích hợp công nghệ vào quá trình

dạy học. Các KTDH được nghiên cứu và áp dụng rộng rãi phải kể đến như kỹ thuật động não, dạy học hợp tác, sơ đồ tư duy.

1.2. Ở Việt Nam

Để đáp ứng yêu cầu về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà giáo dục đã nghiên cứu, tìm tòi, lựa chọn, phối hợp các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực để đạt hiệu quả cao nhất cho từng bài học. Ở Việt Nam, từ năm 1993, dạy học theo hướng tích cực được thử nghiệm và được giới thiệu qua các cuốn sách:

- “Quá trình dạy – tự học”, Nhà xuất bản Giáo dục, 1997 của GS.TS. Nguyễn Cảnh Toàn đã phân tích rõ tầm quan trọng của việc tự học đối với mỗi người [10].

- “Những đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực” – Tạp chí giáo dục, số 32/2002 của GS.TS Trần Bá Hoành nêu rõ những đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực [5].

- “Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học”, NXB Đại học Sư phạm, 2010 – Dự án Việt – Bỉ: đây là cuốn sách nêu rất rõ những phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, có cách tiến hành và ví dụ minh họa rõ ràng [1].

- “Dạy và học tích cực” – PLAN – 2011 là chương trình, kế hoạch tập huấn về phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy và học tích cực.

Bên cạnh đó, cũng có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả về việc vận dụng các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy như:

- “Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong đào tạo giáo viên ở Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn” của ThS. Nguyễn Thị Phương Loan, Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn năm 2015, bước đầu cho thấy việc vận dụng các biện pháp rèn kỹ thuật dạy học tích cực cho sinh viên đã mang lại hiệu quả nhất định, có tính khả thi [7].

- “Sử dụng một số kỹ thuật cơ bản trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên”, tác giả ThS. Hoàng Phúc, Trường Đại học Tây Bắc, năm 2016 đã sử dụng các kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật công não, kỹ thuật mảnh ghép trong quá trình dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo để phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên góp phần đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu dạy học và nâng cao chất lượng học tập của sinh viên [9].

- “Thực trạng sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học vật lý tại các Trường Trung học phổ thông tỉnh Hưng Yên”, của Nguyễn Thị Thu Thủy, Trường THPT Văn Giang, Hưng Yên đã chỉ ra mức độ áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học của giáo viên phổ thông chưa nhiều, chủ yếu được áp dụng trong các kì thao giảng, thi giáo viên giỏi, các tiết dạy điển hình [12].

- “Sử dụng các kỹ thuật dạy học hiện đại trong dạy học Địa lí tại Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành” của TS. Ngô Thị Hải Yến, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 2016 đã nêu một số kỹ thuật dạy học hiện đại có thể áp dụng trong giảng dạy môn Địa lí để nâng cao chất lượng dạy học bộ môn theo định hướng phát triển năng lực [14].

- “Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học môn Hóa lớp 11 ở trường Trung học phổ thông nhằm hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh”, Luận văn Thạc sĩ của Trịnh Thị Minh Tâm, Trường Đại học Vinh, năm 2014 đã ứng dụng các ưu điểm của kỹ thuật mảnh ghép nhằm hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh [9].

- “Sử dụng kỹ thuật: KWL, khăn phủ bàn và các mảnh ghép trong dạy học phân môn Tiếng Việt lớp 8”, Luận văn Thạc sĩ của Lê Thị Thanh Ty, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, năm 2012 đã sử dụng các kỹ thuật KWL, kỹ thuật khăn phủ (trái) bàn và kỹ thuật các mảnh ghép để xây dựng các bài học hứng thú, có sự hợp tác, tương trợ lẫn nhau và khơi gợi tinh thần học tập của học sinh [13].

- “Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực để thiết kế các hoạt động học tập chương Sinh trưởng và phát triển – Sinh học 11 trung học phổ thông”, Luận văn thạc sĩ của Phạm Thị Thu Hiền, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2017 đã thiết kế các hoạt động học tập có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực và thông qua việc thực nghiệm sư phạm đã khẳng định vai trò của các kỹ thuật dạy học tích cực góp phần nâng cao chất lượng lĩnh hội kiến thức môn học đồng thời phát huy tính tích cực hoạt động của học sinh [4].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đã phân tích lý thuyết về các KTDH tích cực, dựa trên các mô hình giáo dục hiện đại trên thế giới. Một số nghiên cứu tuy đề cập đến tính khả thi của các KTDH nhưng chưa đưa ra các mô hình áp dụng cụ thể hoặc các ví dụ minh họa cụ thể trong môi trường học tập ở đại học. Mặc dù vậy, các công trình nghiên cứu trên đây là nguồn tài liệu hữu ích cho việc tìm hiểu, nghiên cứu đề tài này.

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/12/2018 nhằm hình thành và phát triển cho người học những năng lực cốt lõi (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo) cũng như những năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học,...), đồng thời cũng hình thành và phát triển ở họ những phẩm chất chủ yếu như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm [1]. Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, các trường đại học đặc biệt là các trường đào tạo giáo viên trong những năm qua đã có nhiều nỗ lực,

cố gắng đổi mới về phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động giáo dục nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo của người học; chú trọng rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu tài liệu để tiếp nhận tri thức và vận dụng kiến thức đã lĩnh hội thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập, yêu cầu của hoạt động giáo dục đặt ra; xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp với năng lực, phẩm chất của học sinh.

Để phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học cần sử dụng các phương pháp, KTDH tích cực. KTDH có thể sử dụng một cách linh hoạt, mềm dẻo trong quá trình dạy học và kết hợp được với tất cả các phương pháp dạy học. KTDH là những biện pháp, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học [4]. Với các KTDH tích cực, người giáo viên giữ vai trò tổ chức và định hướng hoạt động, hỗ trợ và đánh giá hoạt động học tập của học sinh; còn học sinh tự giác, tích cực và chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, từ đó chiếm lĩnh kiến thức, đồng thời phát triển các kỹ năng cũng như hoàn thiện các phẩm chất tốt đẹp [2]. Vì thế, việc đổi mới phương pháp dạy học, vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập cho học sinh là việc làm hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục góp phần đào tạo ra những con người phát triển toàn diện nhân cách đáp ứng với yêu cầu đổi mới, hội nhập của đất nước.

Học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học là một trong những học phần thuộc khối kiến thức ngành, có ý nghĩa rất quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Hoa Lư. Nội dung của học phần không những cung cấp các kiến thức về lý luận mà còn vận dụng các lý luận đó để sinh viên thiết kế các kế hoạch dạy học với những nội dung có tính thực tiễn cao, có sự kết hợp giữa các kiến thức của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường, đó là giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, là các môn học bắt buộc ở trường Tiểu học. Đặc biệt, trong chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể luôn đề cập đến các kiến thức mở, để các giáo viên lựa chọn, làm chủ những nội dung dạy học của mình. Vì vậy, việc lựa chọn và vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp với đặc trưng của học phần là đặc biệt quan trọng trong tổ chức hoạt động dạy và học góp phần vào quá trình đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của nhà trường.

Từ những lí do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài “***Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học***”.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học nhằm nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời phát huy tính tích cực trong học tập của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư.

4. Đối tượng nghiên cứu

Một số kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: Vận dụng 03 kỹ thuật dạy học tích cực gồm kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật khăn trải bàn và kỹ thuật KWL trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học.

- Phạm vi điều tra: 30 giảng viên giảng dạy cho ngành Giáo dục Tiểu học và 97 sinh viên khoá D15 ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.

- Thời gian thực nghiệm: Tháng 2/2024 đến tháng 4/2024.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Đề tài nghiên cứu tiếp cận từ thực tiễn dạy học hiện nay → tổng hợp, phát triển, bổ sung lý thuyết về cách thức vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học và phát huy tính tích cực trong học tập của sinh viên.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp nghiên cứu lý thuyết:*

+ Khái quát các văn bản Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về chiến lược phát triển, đổi mới giáo dục, chương trình và sách giáo khoa phổ thông nói chung; chiến lược đổi mới phương pháp dạy học.

+ Nghiên cứu các tài liệu, công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

+ Nghiên cứu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lí.

- *Phương pháp điều tra*

+ Điều tra thực trạng sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học ở trường Đại học Hoa Lư.

+ Điều tra sự hiểu biết của sinh viên về kỹ thuật dạy học tích cực và sự hứng thú học tập của sinh viên khi sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực.

- *Phương pháp thực nghiệm sư phạm:* Tiến hành thực nghiệm một số bài giảng có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực đã thiết kế để kiểm tra tính đúng đắn của vấn đề nghiên cứu.

- *Phương pháp thống kê*: Dùng các tham số thống kê để xử lý các số liệu thu được.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số vấn đề lý luận về kỹ thuật dạy học tích cực

1.1.1.1. Khái niệm kỹ thuật dạy học

Theo I.D.Dverep, 1980 thì: “Kĩ thuật dạy học nằm trong đơn vị của phương pháp dạy học đó là cách thức hoạt động tương hỗ giữa thầy và trò nhằm đạt được mục đích dạy học. Hoạt động này được thể hiện trong việc sử dụng các nguồn nhận thức, các thủ thuật logic, các dạng hoạt động độc lập của học sinh và cách thức điều khiển quá trình nhận thức của giáo viên” [1].

Theo Hibert Meyer trong khi xây dựng mô hình các thành tố cơ bản của phương pháp dạy học đã đưa ra khái niệm về kĩ thuật dạy học là: “Các tình huống hành động thực hiện thông qua các kĩ thuật hành động phương pháp dạy học”[2].

Trong tài liệu dạy học của Lưu Thu Thủy đã đưa ra quan điểm của U.Le.Babanxki cho rằng: “KTDH là cách thức tương tác giữa thầy và trò nhằm giải quyết các nhiệm vụ giáo dỡng, giáo dục và phát triển trong quá trình dạy học” [11].

Trong nghiên cứu của Đặng Thành Hưng cũng đưa ra quan điểm KTDH của I.Ia.Lécne, 1981 cho rằng: “KTDH là hệ thống những hành động có mục đích của giáo viên nhằm tổ chức hoạt động nhận thức và thực hành của học sinh đảm bảo cho các em lĩnh hội được nội dung học vắn” [6].

Như vậy, KTDH bao gồm các phương pháp, chiến lược và kĩ năng được sử dụng bởi giảng viên để nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập. Sự kết hợp hài hoà giữa các KTDH và các yếu tố khác trong quá trình giáo dục sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển toàn diện cho sinh viên.

1.1.1.2. Khái niệm về kĩ thuật dạy học tích cực

KTDH tích cực là cách thức giảng viên sử dụng các kĩ thuật để thực hiện hoạt động dạy học và hướng đến kích thích tính tích cực học tập, sáng tạo của sinh viên. Theo Lưu Thu Thủy: “KTDH tích cực là những kĩ thuật có ý nghĩa đặc biệt trong việc tham gia sự phát huy tích cực của HS vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sự sáng tạo và sự cộng tác làm việc của HS” [11]. Từ nghiên cứu trên có thể hiểu vận dụng KTDH tích cực là việc sử dụng những động tác, cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học với các kĩ thuật mới nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học.

Các KTDH tích cực là những KTDH có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát huy sự tham gia của sinh viên vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sự sáng tạo và công tác làm việc của sinh viên. KTDH tích cực được sử dụng trong hoạt động nhóm nhằm giúp sinh viên tích cực chủ động sáng tạo phát huy cao độ vai trò chủ thể, tích cực của mỗi cá nhân trong việc thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao nhờ đó hiệu quả làm việc tốt hơn, khả năng ghi nhớ lâu hơn, trình độ lập luận cao, rất nhiều kĩ năng nhận thức được hình thành như: biết đưa ra ý tưởng của mình, biết phối hợp, giải thích, học hỏi lẫn nhau bằng ngôn ngữ và phương thức tác động qua lại,

phát triển sự tự tin vào bản thân như là người học và trong việc chia sẻ ý tưởng với sự tiếp thu có phê phán. Hay nói cách khác sinh viên trở thành chủ thể đích thực của hoạt động học tập cá nhân mình.

Như vậy, KTDH tích cực là một phương pháp giáo dục nhấn mạnh vào sự tham gia chủ động của sinh viên trong quá trình học tập. Thay vì chỉ thụ động tiếp nhận thông tin từ giảng viên, sinh viên được khuyến khích tham gia vào các hoạt động, thảo luận, thực hành để hiểu sâu và ghi nhớ kiến thức tốt hơn, đồng thời giúp phát triển các kỹ năng mềm cho sinh viên như tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh giáo dục hiện đại, nơi mà yêu cầu về kỹ năng toàn diện ngày càng cao.

1.1.1.3. Vai trò của một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học

KTDH tích cực đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Đối với giảng viên:

Đầu tiên KTDH giúp giảng viên nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua việc khuyến khích sinh viên tham gia tích cực vào bài học. Thay vì chỉ thụ động nghe giảng, sinh viên được tham gia vào các hoạt động nhóm, thảo luận và giải quyết vấn đề, từ đó tăng cường sự hiểu biết và ghi nhớ kiến thức. Khi sinh viên tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, giảng viên cũng dễ dàng nhận biết và đáp ứng kịp thời các nhu cầu học tập của từng em, giúp nâng cao chất lượng giảng dạy.

Thứ hai, KTDH tích cực giúp giảng viên phát triển kỹ năng sư phạm và sự linh hoạt trong việc tổ chức lớp học. Thay vì áp dụng một phương pháp giảng dạy cố định, giảng viên phải thường xuyên đổi mới và sáng tạo trong cách dạy, từ đó rèn luyện khả năng ứng biến và giải quyết các tình huống phát sinh trong lớp học. Việc sử dụng linh hoạt các KTDH tích cực không chỉ giúp bài học trở nên sinh động hơn mà còn giúp giảng viên trở nên đa dạng và linh hoạt hơn trong việc truyền đạt kiến thức.

Thứ ba, KTDH tích cực tạo cơ hội cho giảng viên xây dựng một môi trường học tập tương tác và thân thiện. Các hoạt động dạy học tích cực thường yêu cầu sự hợp tác và trao đổi giữa sinh viên và giảng viên, từ đó tạo ra một không khí học tập cởi mở, nơi sinh viên cảm thấy thoải mái khi chia sẻ ý kiến và đặt câu hỏi. Điều này không chỉ giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm mà còn giúp giảng viên hiểu rõ hơn về sinh viên của mình, từ đó có thể điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp nhất.

Hơn nữa, KTDH tích cực giúp giảng viên tạo động lực học tập cho sinh viên. Những phương pháp này thường bao gồm các hoạt động thú vị, thử thách, khuyến khích sinh viên khám phá và tìm tòi kiến thức một cách tự nhiên và hào hứng. Khi sinh viên cảm thấy hứng thú với bài học, sinh viên sẽ tích cực tham gia và đầu tư

nhều hơn vào quá trình học tập. Điều này không chỉ giúp nâng cao kết quả học tập mà còn phát triển niềm đam mê học tập lâu dài.

Một vai trò quan trọng khác của KTDH tích cực là hỗ trợ giảng viên trong việc cá nhân hoá hoạt động giảng dạy. Mỗi sinh viên có một phong cách học tập và tốc độ tiếp thu khác nhau, do đó việc áp dụng các KTDH tích cực giúp giảng viên dễ dàng nhận diện và đáp ứng nhu cầu học tập riêng biệt của từng sinh viên. Thông qua các hoạt động đa dạng và phong phú, giảng viên có thể tạo ra những trải nghiệm học tập phù hợp với từng em, giúp sinh viên phát huy tối đa tiềm năng của mình.

Cuối cùng, việc sử dụng các KTDH tích cực trong dạy học còn giúp giảng viên cải thiện kỹ năng quản lý lớp học. Khi sinh viên tham gia vào các hoạt động học tập tích cực, sinh viên có xu hướng tự quản lý và điều chỉnh hành vi của mình theo hướng tích cực hơn. Điều này không chỉ giảm bớt áp lực cho giảng viên trong việc duy trì trật tự lớp học mà còn giúp giảng viên tạo ra một môi trường học tập tích cực và hiệu quả.

Tóm lại, KTDH tích cực không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn mang lại nhiều lợi ích to lớn cho giảng viên. Nó giúp giảng viên phát triển kỹ năng sư phạm, tạo động lực học tập cho sinh viên, cá nhân hoá việc giảng dạy và cải thiện quản lý lớp học. Qua đó, giảng viên không chỉ đóng vai là người truyền đạt kiến thức mà còn là người hướng dẫn, hỗ trợ và khuyến khích sinh viên phát triển toàn diện.

Đối với sinh viên:

KTDH tích cực đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học tập của sinh viên, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao hiệu quả học tập và phát triển toàn diện. Trước hết, KTDH tích cực khuyến khích sinh viên tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập thay vì chỉ thụ động tiếp nhận thông tin từ giảng viên, sinh viên được khuyến khích tham gia vào các hoạt động như thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, thực hành trực tiếp. Điều này không chỉ giúp sinh viên hiểu sâu hơn về kiến thức mà còn phát triển kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo. Khi sinh viên tham gia tích cực vào bài học, sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng kiến thức vào thực tế, từ đó nắm bắt bài học một cách vững chắc hơn.

Thứ hai, KTDH tích cực giúp sinh viên phát triển kỹ năng xã hội và giao tiếp. Thông qua các hoạt động nhóm, sinh viên học cách lắng nghe trao đổi ý kiến, và làm việc cùng nhau để đạt được mục tiêu chung. Những kỹ năng này không chỉ quan trọng trong học tập mà còn cần thiết trong cuộc sống và công việc sau này. Các kỹ thuật này giúp sinh viên phát triển khả năng làm việc nhóm, quản lý thời gian và giải quyết xung đột một cách hiệu quả. Những kỹ năng mềm này thường không được chú trọng trong các phương pháp dạy học truyền thống nhưng lại rất cần thiết cho sự phát triển toàn diện của sinh viên.

Thứ ba, KTDH tích cực tạo động lực học tập cho sinh viên. Bằng cách sử dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng và phong phú như học qua dự án, học qua trò chơi và học qua trải nghiệm thực tế, sinh viên sẽ cảm thấy hứng thú và gắn kết hơn với bài học. Khi sinh viên thấy rằng việc học không chỉ là việc ghi nhớ thông tin mà còn là một quá trình khám phá và sáng tạo, sinh viên sẽ có động lực để học tập một cách tích cực và tự giác hơn. Điều này không chỉ giúp nâng cao kết quả học tập mà còn giúp sinh viên phát triển niềm đam mê học tập suốt đời.

Một lợi ích khác của KTDH tích cực là khả năng cá nhân hoá việc học tập. Mỗi sinh viên có phong cách học tập và tốc độ tiếp thu khác nhau, do đó, việc áp dụng các kỹ thuật này cho phép giảng viên điều chỉnh phương pháp dạy học để phù hợp với nhu cầu của từng sinh viên. Sinh viên sẽ có cơ hội học tập theo cách mà các em cảm thấy thoải mái và hiệu quả nhất, từ đó phát huy tối đa tiềm năng của mình. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ những sinh viên gặp khó khăn trong học tập hoặc những sinh viên có năng khiếu, giúp tất cả các em có cơ hội phát triển toàn diện.

Cuối cùng, KTDH tích cực tạo ra một môi trường học tập tích cực và thân thiện. Khi sinh viên tham gia vào các hoạt động học tập tích cực, các em sẽ cảm thấy thoải mái và tự tin hơn trong việc chia sẻ ý kiến và đặt câu hỏi. Điều này giúp xây dựng một không khí học tập cởi mở, nơi sinh viên cảm thấy an toàn khi bày tỏ quan điểm và khám phá những ý tưởng mới. Môi trường học tập tích cực này không chỉ giúp sinh viên phát triển kỹ năng học tập mà còn góp phần hình thành nhân cách và phát triển tâm lý lành mạnh.

Tóm lại, KTDH tích cực đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng học tập và phát triển toàn diện của sinh viên. Nó không chỉ giúp sinh viên hiểu sâu kiến thức, phát triển kỹ năng xã hội, và tạo động lực học tập mà còn tạo điều kiện cho việc cá nhân hoá học tập và xây dựng một môi trường học tập tích cực và thân thiện. Qua đó, sinh viên không chỉ trở thành những người học tích cực và tự tin mà còn phát triển toàn diện cả về trí tuệ và nhân cách.

1.1.1.4. Ưu, nhược điểm của dạy học vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực

Một trong những ưu điểm nổi bật của KTDH tích cực là khả năng phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Thay vì thụ động tiếp thu kiến thức, sinh viên được khuyến khích tham gia vào các hoạt động thảo luận nhóm, thực hành và giải quyết vấn đề. Điều này không chỉ giúp các em hiểu sâu hơn về bài học mà còn phát triển kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm. Hơn nữa, phương pháp này giúp học sinh xây dựng sự tự tin, bởi vì các em có cơ hội thể hiện ý kiến, tranh luận và bảo vệ quan điểm của mình trước lớp.

KTDH tích cực cũng giúp tạo ra môi trường học tập sinh động và thú vị hơn. Thay vì nghe giảng trong suốt buổi học, sinh viên được tham gia vào các hoạt động

đa dạng như trò chơi giáo dục, thí nghiệm và dự án thực tế. Điều này không chỉ làm tăng hứng thú học tập mà còn giúp các em ghi nhớ kiến thức lâu hơn thông qua việc trải nghiệm và thực hành.

Tuy nhiên, dạy học vận dụng KTDH tích cực cũng gặp phải một số nhược điểm. Trước hết, phương pháp này đòi hỏi giảng viên phải có kỹ năng quản lý lớp học tốt và hiểu rõ về các KTDH tích cực. Không phải giảng viên nào cũng được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm để áp dụng hiệu quả phương pháp này. Nếu không được triển khai đúng cách, phương pháp này có thể dẫn tới tình trạng mất trật tự trong lớp, làm giảm hiệu quả giảng dạy.

Thứ hai, dạy học tích cực thường đòi hỏi nhiều thời gian và công sức chuẩn bị. Giảng viên phải thiết kế bài giảng, kế hoạch hoạt động và chuẩn bị tài liệu phong phú để hỗ trợ cho các hoạt động học tập. Điều này có thể gây áp lực cho giảng viên, đặc biệt trong điều kiện làm việc căng thẳng và số lượng sinh viên không đồng. Hơn nữa, việc đánh giá kết quả học tập cũng phức tạp hơn khi phải xem xét cả quá trình tham gia và đóng góp của HS trong các hoạt động, không chỉ dựa trên điểm số của các bài kiểm tra.

Cuối cùng, không phải sinh viên nào cũng phù hợp với phương pháp dạy học tích cực. Một số sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc tham gia vào các hoạt động nhóm hoặc không đủ tự tin để thể hiện ý kiến trước đám đông. Điều này đòi hỏi giảng viên phải có kỹ năng linh hoạt trong việc điều chỉnh phương pháp dạy học để phù hợp với từng đối tượng sinh viên.

Tóm lại, dạy học vận dụng KTDH tích cực mang lại nhiều lợi ích trong việc phát triển tư duy và kỹ năng cho sinh viên, tạo ra môi trường học tập hấp dẫn. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao, phương pháp này đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng và kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên cũng như cần có sự điều chỉnh phù hợp để đáp ứng nhu cầu của mọi sinh viên.

1.1.2. Một số kỹ thuật dạy học tích cực vận dụng trong đề tài nghiên cứu

1.1.2.1. Kỹ thuật mảnh ghép

a. Khái niệm

Kỹ thuật mảnh ghép là kỹ thuật tổ chức hoạt động học tập hợp tác giữa hoạt động cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm. Phương pháp này chia người học thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm chịu trách nhiệm nghiên cứu và trở thành chuyên gia về một phần của bài học, sau đó chia sẻ kiến thức đó với các nhóm khác. Kỹ thuật này nhằm mục đích khuyến khích sự tham gia tích cực, tăng cường kỹ năng làm việc nhóm và đảm bảo rằng tất cả học sinh đều nắm vững nội dung bài học.

b. Cách tiến hành

- Chia nhóm ban đầu: GV chia lớp thành các nhóm nhỏ; mỗi nhóm nhận một phần nội dung khác nhau của bài học để nghiên cứu.

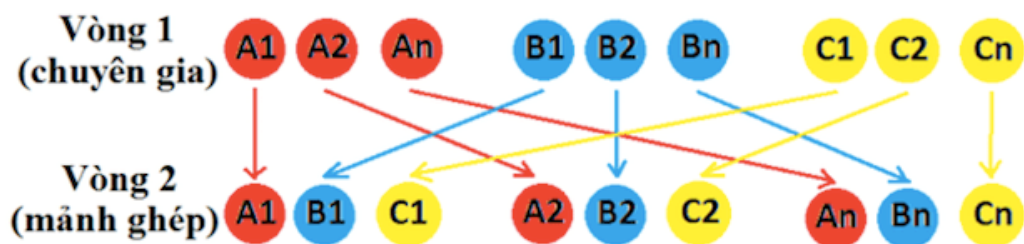
- Nghiên cứu chuyên sâu: mỗi nhóm tập trung nghiên cứu phần nội dung của nhóm mình. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thảo luận để hiểu rõ và nắm vững phần nội dung đó.

- Tạo nhóm chuyên gia: Sau khi các nhóm hoàn thiện việc nghiên cứu, HS từ mỗi nhóm sẽ tách ra và tạo thành các nhóm mới. Mỗi nhóm mới sẽ bao gồm một thành viên từ mỗi nhóm ban đầu, đảm bảo rằng mỗi nhóm mới có đủ các “chuyên gia” về tất cả các phần của bài học.

- Chia sẻ kiến thức: Trong nhóm mới, các “chuyên gia” lần lượt trình bày phần nội dung mà họ đã nghiên cứu. Các thành viên khác trong nhóm lắng nghe, ghi chép và đặt câu hỏi nếu cần.

- Hoàn thiện và củng cố: Cuối cùng, người học quay lại nhóm ban đầu của mình để thảo luận và củng cố toàn bộ nội dung của bài học. Giảng viên có thể tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá để đảm bảo sinh viên đã nắm vững kiến thức.

Dưới đây là sơ đồ minh họa cho việc sử dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học nhóm.



c. Ưu, nhược điểm

- Ưu điểm: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng trình bày; Củng cố kiến thức.

- Nhược điểm: Tốn thời gian; Phụ thuộc vào sự tham gia của người học; Khó quản lý; Chênh lệch năng lực.

d. Một số lưu ý khi sử dụng

- Giảng viên cần chuẩn bị tài liệu và hướng dẫn cụ thể cho từng phần nội dung
- Cần phân chia nhóm hợp lý, đảm bảo sự đồng đều về năng lực giữa các nhóm, sự đa dạng trong mỗi nhóm mới.

- Giảng viên nên theo dõi, hỗ trợ kịp thời sinh viên trong quá trình nghiên cứu và trình bày, đặc biệt là những sinh viên yếu hơn.

1.1.2.2. Kỹ thuật khăn trải bàn

a. Khái niệm

Là kỹ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm.

b. Cách tiến hành

- Chia học sinh thành các nhóm và phát cho mỗi nhóm một tờ giấy (A0, A3, A2)
- Trên giấy chia thành các phần, gồm phần chính giữa và các phần xung quanh. Phần xung quanh được chia theo số thành viên của nhóm.
- Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, tập trung suy nghĩ trả lời câu hỏi/ nhiệm vụ theo cách nghĩ, cách hiểu riêng rồi viết vào phần giấy của mình trên tờ giấy lớn.
- Trên cơ sở ý kiến của mỗi cá nhân, người học thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến và viết vào phần chính giữa của tờ giấy.

Dưới đây là sơ đồ minh họa cho việc sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong dạy học:



c. Ưu, nhược điểm

- Ưu điểm: Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực của người học; Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của từng sinh viên; Phát triển mô hình có sự tương tác giữa sinh viên và sinh viên; Đem lại bầu không khí học tập thoải mái, sinh viên tin tưởng, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập.
- Nhược điểm: Mất thời gian để chuẩn bị giấy cho mỗi lần sử dụng; Mất khá nhiều thời gian trong quá trình tổ chức hoạt động nếu giảng viên không quản lý tốt.

d. Một số lưu ý khi sử dụng

- Trong trường hợp nhóm có số sinh viên đông, không đủ chỗ để viết trên khăn trải bàn thì giảng viên có thể phát cho mỗi sinh viên một mảnh giấy nhỏ để các em ghi ý kiến cá nhân, sau đó ghim hoặc dán vào phần xung quanh của khăn trải bàn.
- Trong quá trình thảo luận thống nhất ý kiến, những ý kiến trùng nhau có thể ghim, dán chồng lên nhau. Những ý kiến không thống nhất, cá nhân có quyền bảo lưu và được giữ ở phần xung quanh của khăn trải bàn.

1.1.2.3. Kỹ thuật KWL

a. Khái niệm

KWL là viết tắt của ba từ tiếng anh: “Know” (biết), “Want to know” (muốn biết), “Learned” (đã học). Kỹ thuật này khuyến khích người học suy nghĩ về kiến thức

có, xác định những gì họ muốn học, ghi nhận những gì đã học và tìm cách tiếp tục mở rộng kiến thức.

b. Cách tiến hành

- Sau khi giới thiệu bài học, mục tiêu cần đạt của bài học, giảng viên phát phiếu học tập KWL; yêu cầu sinh viên điền một số thông tin liên quan vào phiếu.

- Yêu cầu sinh viên suy nghĩ và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề nội dung bài học. Giảng viên và sinh viên cùng ghi vào cột “K”.

- Sau khi kết thúc cột “K”, giảng viên có thể hỏi “Ngoài những điều đã biết, các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề này?” sinh viên trả lời, cả giảng viên và sinh viên cùng ghi vào cột “W”.

- Cuối giờ học, giảng viên yêu cầu sinh viên điền những gì mình học được trong giờ vào cột “L” và chia sẻ thảo luận.

c. Ưu, nhược điểm

- Ưu điểm: Phát triển tư duy phản biện và khả năng tự đánh giá; Khuyến khích người học tự đặt câu hỏi và tìm kiếm thông tin, từ đó phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu; Tạo động lực học tập; Củng cố kiến thức cho người học.

- Nhược điểm: Tốn thời gian chuẩn bị và thực hiện, có thể làm chậm tiến độ dạy học; Khó áp dụng đồng đều; Phụ thuộc vào sự tham gia của người học.

d. Một số lưu ý khi sử dụng

- Giảng viên cần chuẩn bị trước một số câu hỏi gợi ý và tài liệu hỗ trợ để giúp sinh viên trong quá trình liệt kê và đặt câu hỏi.

- Cần tạo ra môi trường học tập thoải mái để sinh viên tự do chia sẻ và đặt câu hỏi.

- Giảng viên nên theo dõi và hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình đặc biệt là khi sinh viên gặp khó khăn trong việc xác định những gì đã học hoặc tìm kiếm tài liệu học thêm.

1.1.3. Khái quát về học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

Một số điểm khái quát về học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học được trích từ Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, trình độ đào tạo Đại học, Ban hành kèm theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư và từ nguồn Đề cương chi tiết học phần Phương pháp dạy Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học [3].

1.1.3.1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp những vấn đề chung về đặc điểm, nội dung, chương trình, sách giáo khoa các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học; những kiến thức về phương pháp, hình thức tổ chức, các phương tiện đặc trưng và cách kiểm tra, đánh

giá trong dạy học các môn về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: lựa chọn, sử dụng các phương pháp, hình thức, đồ dùng dạy học phù hợp, hiệu quả; kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động dạy học các chủ đề/bài học của các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí.

1.1.3.2. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về lí luận dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học. Trên cơ sở đó hình thành các kỹ năng như thiết kế kế hoạch, tổ chức các hoạt động dạy học, sử dụng hiệu quả và tự làm một số đồ dùng dạy học đơn giản, thiết kế được một số công cụ kiểm tra – đánh giá kết quả học tập các môn học về Tự nhiên và Xã hội của sinh viên theo định hướng mới.

1.1.3.3. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần	PP dạy học	PP đánh giá
CLO1	K3	Khái quát được những kiến thức chung về phương pháp, hình thức dạy học đặc trưng của các môn học về TN-XH ở TH.	Thảo luận, làm việc nhóm, tự học/tự nghiên cứu...	Tự luận
CLO2	S3	Xác định được mục tiêu, nội dung phương pháp dạy học các chủ đề trong chương trình các môn học về TN-XH	Thực hành, làm việc nhóm, tự học/tự nghiên cứu,...	Tự luận
CLO3	S3	Thiết kế được kế hoạch bài dạy các môn Tự nhiên – Xã hội, Khoa học, Lịch sử - Địa lí	Thực hành, tự học/tự nghiên cứu...	Tự luận, vấn đáp
CLO4	S3	Tổ chức dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội, Khoa học, Lịch sử - Địa lí	Thực hành, nghiên cứu tình huống, tự học/tự nghiên cứu...	Thực hành, vấn đáp
CLO5	S3	Sử dụng và thiết kế được một số phương tiện dạy học đặc trưng phục vụ môn học	Thực hành, làm việc nhóm; tự học/tự nghiên cứu...	Thực hành
CLO6	S3	Thiết kế được một số công cụ để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn học về TN-XH của HSTH	Thực hành, thảo luận, tự học/tự nghiên cứu...	Tự luận

1.1.3.4. Nội dung giảng dạy của học phần

Chương 1. Các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

3 giờ (3LT:0TH)

- 1.1. Lịch sử phát triển các môn học về Tự nhiên – Xã hội
- 1.2. Đặc điểm chung các môn học về Tự nhiên – Xã hội
- 1.3. Kế hoạch dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội
- 1.4. Hình thành và phát triển các biểu tượng và khái niệm về Tự nhiên – Xã hội

Chương 2. Một số phương pháp dạy học đặc trưng của các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

13 giờ (13LT:0TH)

- 2.1. Định hướng đổi mới các phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội
- 2.2. Các phương pháp dạy học chủ yếu trong các môn học về Tự nhiên – Xã hội

Chương 3. Một số hình thức tổ chức dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

4 giờ (4LT:0TH)

- 3.1. Các hướng đổi mới các hình thức tổ chức dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội
- 3.2. Các hình thức dạy học chủ yếu trong dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội

Chương 4. Phương tiện dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

5 giờ (1LT:4TH)

- 4.1. Khái niệm và vai trò của các phương tiện dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội
- 4.2. Nguyên tắc sử dụng các phương tiện dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội
- 4.3. Các phương tiện dạy học chủ yếu của các môn học về Tự nhiên – Xã hội

Chương 5. Kiểm tra và đánh giá trong dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

5 giờ (3LT:2TH)

- 5.1. Mục đích và ý nghĩa của việc kiểm tra, đánh giá
- 5.2. Yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá
- 5.3. Một số hình thức kiểm tra, đánh giá

Chương 6. Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên – Xã hội

10 giờ (2LT:8TH)

- 6.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Tự nhiên – Xã hội
- 6.2. Hướng dẫn dạy học các chủ đề trong môn Tự nhiên – Xã hội
- 6.3. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học môn Tự nhiên – Xã hội

Chương 7. Hướng dẫn dạy học môn Khoa học

10 giờ (2LT:8TH)

- 7.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Khoa học
- 7.2. Hướng dẫn dạy học các chủ đề trong môn Khoa học
- 7.3. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học môn Khoa học

Chương 8. Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử - Địa lí

10 giờ (2LT:8TH)

- 8.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Lịch sử - Địa lí
- 8.2. Hướng dẫn dạy học các chủ đề trong môn Lịch sử - Địa lí
- 8.3. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học môn Lịch sử - Địa lí

Thông qua việc nghiên cứu mục tiêu giáo dục, nội dung đặc trưng của môn học, ta nhận thấy học phần “Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học” ngoài trang bị kiến thức còn hướng dẫn sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học lấy học sinh làm trung tâm. Với trọng tâm là đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của người học, học phần này đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo giáo viên tiểu học có tư duy đổi mới, đáp ứng được yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành.

1.1.4. Vai trò của việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

Việc vận dụng KTDH tích cực trong dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học đóng vai trò then chốt trong việc chuẩn bị đội ngũ GV tương lai. KTDH tích cực với sự chú trọng vào tính tương tác, hợp tác và phát triển tư duy độc lập, giúp sinh viên sư phạm không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn rèn luyện các kỹ năng giảng dạy cần thiết để áp dụng vào thực tế giảng dạy tại trường tiểu học.

Trước hết việc áp dụng KTDH tích cực trong giảng dạy giúp sinh viên sư phạm hiểu rõ và trải nghiệm thực tế các phương pháp dạy học hiện đại. Thông qua các hoạt động nhóm, thảo luận, dự án và các bài tập thực hành, sinh viên không chỉ học lý thuyết mà còn trực tiếp thực hành và thử nghiệm các phương pháp này. Điều này giúp sinh viên hiểu sâu hơn về cách áp dụng từng phương pháp trong các tình huống giảng dạy cụ thể, từ đó chuẩn bị tốt hơn cho công việc giảng dạy sau này.

Hơn nữa, việc sử dụng KTDH tích cực trong giảng dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm quan trọng như các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết vấn đề và tư duy phản biện được rèn luyện thông qua các hoạt động học tập tích cực. Những kỹ năng này không chỉ cần thiết cho công việc giảng dạy mà còn giúp sinh viên tự tin và linh hoạt hơn trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Việc áp dụng KTDH tích cực cũng tạo ra môi trường học tập sôi nổi và hấp dẫn, kích thích sự hứng thú và đam mê học tập của sinh viên. Thay vì học thụ động, sinh viên được khuyến khích tham gia vào quá trình học tập, tự tìm hiểu và khám phá kiến thức. Điều này giúp sinh viên xây dựng được thái độ học tập tích cực, ham học hỏi và luôn sẵn sàng đổi mới, sáng tạo trong công việc giảng dạy sau này.

Bên cạnh đó, khi các trường đại học áp dụng KTDH tích cực trong đào tạo giáo viên thì sinh viên tốt nghiệp từ những chương trình như vậy sẽ mang theo những phương pháp dạy học hiện đại và hiệu quả đến với các trường tiểu học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp tiểu học.

1.1.5. Đặc điểm của sinh viên sư phạm

1.1.5.1. Đặc điểm nhận thức trong hoạt động học tập

Đặc điểm nhận thức trong hoạt động học tập của sinh viên sư phạm là một khía cạnh quan trọng, phản ánh sự tương tác giữa quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp của sinh viên. Những đặc điểm này bao gồm:

- Khả năng nắm bắt kiến thức chuyên môn

Sinh viên sư phạm cần có khả năng hiểu biết sâu rộng về các môn học mà sinh viên sẽ giảng dạy trong tương lai. Điều này đòi hỏi sinh viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản và chuyên sâu, không chỉ để học tập mà còn để có thể truyền đạt lại cho học sinh một cách hiệu quả. Việc nắm bắt kiến thức chuyên môn là nền tảng để sinh viên sư phạm có thể phát triển kỹ năng giảng dạy và thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

- Tư duy phản biện và phân tích

Trong quá trình học tập, sinh viên sư phạm phải biết cách phân tích và đánh giá thông tin một cách khoa học và logic. SV cần phát triển khả năng tư duy phản biện để có thể xem xét các vấn đề từ nhiều góc độ, từ đó đưa ra những quyết định và giải pháp phù hợp. Tư duy phản biện giúp sinh viên không chỉ học hỏi mà còn sáng tạo và đổi mới trong phương pháp giảng dạy.

- Nhận thức về phương pháp giảng dạy

Sinh viên sư phạm cần có nhận thức rõ ràng về các phương pháp giảng dạy hiện đại và truyền thống. Sinh viên phải hiểu rõ cách thiết kế bài giảng, quản lý lớp và đánh giá học sinh. Điều này đòi hỏi sinh viên phải học hỏi không chỉ từ sách vở mà còn từ thực tiễn thông qua các đợt thực tập sư phạm, quan sát trên lớp học và trao đổi kinh nghiệm với giảng viên có kinh nghiệm.

- Khả năng tự học và phát triển bản thân

Sinh viên sư phạm cần có khả năng tự học cao, biết cách tìm kiếm và cập nhật thông tin mới, từ đó không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Khả năng tự học giúp sinh viên luôn sẵn sàng thích ứng với những

thay đổi và yêu cầu mới của ngành giáo dục. Việc tự học còn giúp sinh viên phát triển tư duy độc lập và sáng tạo, điều này rất quan trọng trong việc giảng dạy và nghiên cứu giáo dục.

- Nhận thức về tâm lí học sinh

Hiểu biết về tâm lí học sinh là một phần quan trọng trong nhận thức của sinh viên sư phạm. Sinh viên cần hiểu rõ các giai đoạn phát triển tâm lí, nhu cầu và đặc điểm tâm lí của học sinh ở các lứa tuổi khác nhau. Sự nhận thức này giúp sinh viên thiết kế kế hoạch dạy học phù hợp, tạo môi trường học tập tích cực và hỗ trợ học sinh một cách hiệu quả.

- Nhận thức về vai trò xã hội của giáo viên

Sinh viên sư phạm phải nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong xã hội. Sinh viên không chỉ là những người truyền đạt kiến thức mà còn là những người định hướng, giáo dục và phát triển nhân cách cho học sinh. Sự nhận thức này giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa công việc của mình, từ đó có động lực và lòng nhiệt huyết để hoàn thành nhiệm vụ giáo dục.

Tóm lại, đặc điểm nhận thức trong hoạt động học tập của sinh viên sư phạm là sự tổng hợp của nhiều yếu tố: từ khả năng nắm bắt kiến thức chuyên môn, tư duy phản biện, nhận thức về phương pháp giảng dạy, khả năng tự học, hiểu biết về tâm lí học sinh đến nhận thức về vai trò xã hội của giáo viên. Những đặc điểm này không chỉ giúp sinh viên trở thành những giáo viên giỏi mà còn là nền tảng để các em phát triển sự nghiệp và đóng góp tích cực cho ngành giáo dục.

1.1.5.2. Đặc điểm xã hội của sinh viên sư phạm

Đặc điểm xã hội của SV sư phạm thể hiện rõ cách tương tác, giao tiếp và thực hiện các trách nhiệm xã hội của mình. Những đặc điểm này bao gồm:

- Khả năng giao tiếp và tương tác xã hội

Sinh viên sư phạm thường có khả năng giao tiếp tốt, không chỉ với học sinh mà còn với đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng. Sinh viên biết cách lắng nghe, thấu hiểu và phản hồi một cách khéo léo. Khả năng giao tiếp tốt giúp sinh viên tạo dựng mối quan hệ tích cực và hiệu quả trong môi trường giáo dục, đồng thời giúp các em giải quyết được các vấn đề xung đột một cách hoà bình.

- Tinh thần trách nhiệm cao

Sinh viên sư phạm ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong xã hội. Sinh viên hiểu rằng công việc của mình không chỉ ảnh hưởng tới cá nhân mà còn ảnh hưởng đến cả cộng đồng và xã hội. Tinh thần trách nhiệm này thể hiện qua việc sinh viên luôn nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và thực hành giảng dạy, cũng như tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội.

- Lòng nhân ái và sự tận tâm

Sinh viên sư phạm luôn quan tâm, chăm sóc và sẵn sàng giúp đỡ học sinh. Sự tận tâm này không chỉ trong việc giảng dạy mà còn trong việc hỗ trợ học sinh vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Điều này giúp xây dựng môi trường học tập tích cực và tạo niềm tin, sự kính trọng từ học sinh và phụ huynh.

- Khả năng làm việc nhóm và hợp tác

Trong quá trình học tập và thực hành, sinh viên sư phạm thường phải làm việc nhóm để hoàn thành các dự án, kế hoạch bài dạy. Khả năng làm việc nhóm và hợp tác hiệu quả giúp sinh viên học hỏi từ nhau, chia sẻ kinh nghiệm và phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Điều này cũng chuẩn bị cho sinh viên khả năng làm việc trong môi trường giáo dục, nơi mà sự hợp tác giữa giáo viên, phụ huynh và các bên liên quan là rất quan trọng.

- Ý thức về công bằng và đạo đức nghề nghiệp

Sinh viên sư phạm thường có ý thức mạnh mẽ về công bằng và đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên hiểu rằng mỗi học sinh đều có quyền được đối xử công bằng và tôn trọng. Ý thức này giúp các em tránh những hành vi phân biệt đối xử, đồng thời thúc đẩy một môi trường học tập lành mạnh, nơi mà mọi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện.

- Tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng

Sinh viên sư phạm thường tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng, từ các chương trình thiện nguyện, hỗ trợ giáo dục cho trẻ em nghèo, đến các hoạt động bảo vệ môi trường. Sự tham gia này không chỉ giúp sinh viên phát triển kỹ năng xã hội mà còn giúp các em hiểu rõ hơn về cộng đồng và vai trò của mình trong việc đóng góp cho xã hội.

Tóm lại, đặc điểm xã hội của sinh viên sư phạm không chỉ thể hiện qua khả năng giao tiếp, tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái và sự tận tâm mà còn thể hiện qua khả năng làm việc nhóm, ý thức công bằng và đạo đức nghề nghiệp, sự tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng. Những đặc điểm này giúp SV không chỉ là những giáo viên giỏi mà còn là những công dân có trách nhiệm, đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Mục đích điều tra

- Đánh giá thực trạng sử dụng KTDH tích cực trong giảng dạy các học phần trong Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học.

- Tìm hiểu nhận thức mức độ vận dụng và hiệu quả của việc sử dụng KTDH tích cực của giảng viên và sinh viên trong dạy học nói chung và học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã ở tiểu học nói riêng.

1.2.2. Phương pháp và đối tượng điều tra

- Xây dựng phiếu điều tra, phát phiếu điều tra, thu thập phiếu điều tra và xử lí kết quả.

- Đối tượng điều tra: 30 giảng viên ngành Giáo dục tiểu học và 97 sinh viên khoá D15 ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.

1.2.3. Kết quả điều tra

1.2.3.1. Đối với giảng viên

Chúng tôi tiến hành phát phiếu điều tra tham khảo ý kiến của các giảng viên giảng dạy cho ngành Giáo dục tiểu học và thu được kết quả như sau:

a. Nhận thức của giảng viên về kĩ thuật dạy học tích cực và sự cần thiết của việc vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

❖ Để tìm hiểu nhận thức của giảng viên về KTDH tích cực, chúng tôi tiến hành điều tra thông qua một số câu hỏi và thu được kết quả như sau:

- Đối với câu hỏi số 1 (theo phiếu điều tra). Thầy (cô) có hiểu rõ về kĩ thuật dạy học tích cực không?

Bảng 1.1. Mức độ hiểu biết về kĩ thuật dạy học tích cực

Mức độ hiểu biết	Số ý kiến	Tỉ lệ %
Hiểu rất rõ	5	16,67
Hiểu ở mức cơ bản	15	50
Hiểu một phần	7	23,33
Chưa hiểu rõ	3	10

Qua bảng số liệu trên, ta thấy có 16,67% giảng viên được hỏi đã hiểu rất rõ về KTDH tích cực, 50% giảng viên hiểu ở mức cơ bản. Tuy nhiên, có 33,33% giảng viên gặp khó khăn trong việc hiểu về các KTDH tích cực. Như vậy, đa số giảng viên đã có nhận thức cơ bản về KTDH.

- Đối với câu hỏi số 2 (theo phiếu điều tra). Thầy (cô) hiểu thế nào về kĩ thuật dạy học tích cực?

Bảng 1.2. Nhận thức về kĩ thuật dạy học tích cực

	Số ý kiến	Tỉ lệ %
KTDH tích cực là những tác động, cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.	4	13,13
KTDH tích cực là những biện pháp, cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong các tình huống, hành động nhằm giải quyết các nhiệm vụ, nội dung cụ thể.	6	20

KTDH tích cực là những kỹ thuật có nghĩa và tác dụng trong quá trình dạy học, kích thích sự tư duy, sáng tạo và tạo hứng thú cho sinh viên trong quá trình giảng dạy	20	66,67
--	----	-------

Từ kết quả ở bảng trên, cho thấy giảng viên đã có những nhận thức về KTDH tích cực, cụ thể: Có 66,67% giáo viên được hỏi đồng ý với ý kiến “KTDH tích cực là những kỹ thuật có nghĩa và tác dụng trong quá trình dạy học, kích thích sự tư duy, sáng tạo và tạo hứng thú cho sinh viên trong quá trình giảng dạy”; Có 20% giáo viên chọn “KTDH tích cực là những biện pháp, cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong các tình huống, hành động nhằm giải quyết các nhiệm vụ, nội dung cụ thể”. Như vậy, đa số giảng viên có cái nhìn đúng đắn và hiểu biết sâu sắc về KTDH tích cực.

- Đối với câu hỏi số 3 (theo phiếu điều tra). Thầy (cô) đã tìm hiểu về kỹ thuật dạy học tích cực bằng những cách nào?

Bảng 1.3. Cách thức tìm hiểu kỹ thuật dạy học tích cực

Cách thức tìm hiểu	Số ý kiến	Tỉ lệ %
Qua các buổi tập huấn, hội thảo chuyên môn, lớp học, chương trình đào tạo chính thức	25	83,33
Qua sự trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp	15	50
Qua nguồn trực tuyến	10	33,33
Qua các tài liệu tham khảo như: sách, báo, tạp chí	18	60

Từ bảng số liệu ta nhận thấy, để có được những hiểu biết về kỹ thuật dạy học tích cực thì giảng viên đã chủ động tìm kiếm các thông tin liên quan thông qua các buổi tập huấn, hội thảo chuyên môn, lớp học, chương trình đào tạo chính thức (83,33%); Tự học qua các tài liệu tham khảo như sách báo, tạp chí cũng được nhiều giảng viên lựa chọn (60%).

- Đối với câu hỏi số 5 (theo phiếu điều tra). Theo thầy (cô) khi vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực vào quá trình giảng dạy sẽ giúp cải thiện những khía cạnh nào trong quá trình học tập của sinh viên?

Bảng 1.4. Hiệu quả của việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình giảng dạy đối với sinh viên

Hiệu quả	Số ý kiến	Tỉ lệ %
Tăng cường sự chủ động và tham gia của sinh viên	25	83,33
Cải thiện kỹ năng làm việc nhóm	20	66,67
Tư duy phản biện và sáng tạo	12	40
Sự hứng thú và động lực học tập của sinh viên	28	93,33

Dựa vào kết quả bảng 1.4. ta nhận thấy: Khía cạnh nổi bật nhất được giảng viên đánh giá cao về hiệu quả của việc vận dụng KTDH tích cực trong quá trình giảng dạy

đối với sinh viên là giúp “Tăng sự hứng thú và động lực học tập của sinh viên” chiếm 93,33% đây là yếu tố quan trọng cho thấy KTDH tích cực làm sinh viên cảm thấy hứng thú hơn với bài học. Các khía cạnh khác cũng được ghi nhận là có cải thiện: kỹ năng làm việc nhóm (66,67%), phát triển tư duy phản biện và sáng tạo (40%).

❖ Để tìm hiểu sự cần thiết của việc vận dụng KTDH tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, chúng tôi tiến hành điều tra thông qua câu hỏi số 6 (theo phiếu điều tra). Thầy (cô) cho biết đánh giá của mình về sự cần thiết của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học?

Bảng 1.5. Sự cần thiết của việc sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

Sự cần thiết	Số ý kiến	Tỉ lệ %
Không cần thiết	03	10
Ít cần thiết	05	16,67
Cần thiết	15	50
Rất cần thiết	07	23,33

Bảng số liệu trên cho thấy có 73,33% ý kiến đánh giá về sự cần thiết của việc sử dụng KTDH tích cực trong dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học; chính điều này tạo động lực cho giáo viên thường xuyên sử dụng các KTDH tích cực vào các giờ giảng nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học.

b. Thực trạng vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình dạy học

Để tìm hiểu thực trạng sử dụng một số KTDH tích cực của giảng viên trong quá trình giảng dạy, chúng tôi tiến hành điều tra thông qua hai câu hỏi:

- Câu hỏi số 4 (theo phiếu điều tra). Thầy (cô) đã từng áp dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình giảng dạy chưa?

Bảng 1.6. Mức độ áp dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy

Mức độ áp dụng	Số ý kiến	Tỉ lệ %
Chưa từng áp dụng	3	10
Hiếm khi áp dụng	8	26,67
Thỉnh thoảng áp dụng	12	40
Thường xuyên áp dụng	7	23,33

Theo kết quả thu được ở bảng 1.6, có 40% giảng viên thỉnh thoảng áp dụng KTDH tích cực và 23,33% giảng viên thường xuyên áp dụng KTDH tích cực, cho thấy một phần lớn giảng viên đã sử dụng KTDH tích cực trong giảng dạy. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ khoảng 10% giảng viên không áp dụng KTDH trong quá trình giảng dạy.

- Câu hỏi số 7 (theo phiếu điều tra). Thầy (cô) cho biết mức độ vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong quá trình dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học? Kết quả thu được như sau:

Bảng 1.7. Mức độ vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

TT	Kĩ thuật dạy học tích cực	Mức độ thường xuyên							
		Không vận dụng		Hiếm khi vận dụng		Thi thoảng Vận dụng		Thường xuyên sử dụng	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
1	Khăn trải bàn	8	26,67	10	33,33	10	33,33	2	6,67
2	Mảnh ghép	9	30	15	50	5	16,67	1	3,33
3	Sơ đồ tư duy	2	6,67	4	13,33	17	56,67	7	23,33
4	KWL	10	33,33	8	26,67	7	23,33	5	16,67
5	Động não	2	6,67	6	20	16	53,33	6	20
6	Bể cá	15	50	7	23,33	6	20	2	6,67
7	Tia chớp	7	23,33	8	26,67	10	33,33	5	16,67
8	Kĩ thuật khác ...	5	16,67	9	30	9	30	7	23,33

Nhìn vào bảng trên, ta thấy hầu hết các giáo viên đã sử dụng khá nhiều KTDH tích cực trong quá trình giảng dạy. Trong đó, kĩ thuật được sử dụng nhiều hơn cả là kĩ thuật Sơ đồ tư duy chiếm 23,33%, tiếp theo là đến kĩ thuật động não có 20% giảng viên thường xuyên sử dụng, kĩ thuật KWL và kĩ thuật tia chớp có 16,67% giảng viên thường xuyên sử dụng trong quá trình dạy học. Tuy nhiên, mức độ sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật bể cá trong quá trình dạy học vẫn chiếm tỉ lệ cao ở các mức độ hiếm khi vận dụng và thi thoảng vận dụng.

c. Những khó khăn của giảng viên khi sử dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy

Để tìm hiểu những khó khăn của giảng viên khi sử dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học, chúng tôi tiến hành điều tra thông qua câu hỏi số 8 (theo phiếu điều tra): Thầy (cô) cho biết những khó khăn mà thầy cô gặp phải khi áp dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy?

Bảng 1.8. Khó khăn của giảng viên khi vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy

Khó khăn	Số ý kiến	Tỉ lệ %
Điều kiện trang thiết bị, phương tiện dạy học còn hạn chế	12	40
Giáo viên phải dành nhiều thời gian, công sức	27	90
Năng lực, kinh nghiệm còn hạn chế	5	16,67
Sự tích cực của sinh viên	20	66,67

Kết quả khảo sát cho thấy, việc vận dụng KTDH vào quá trình giảng dạy của giảng viên còn gặp một số khó khăn trong đó phải kể đến nguyên nhân: “Giáo viên phải dành nhiều thời gian, công sức” (90%), “Sự tích cực của học sinh” (66,67%).

1.2.3.2. Đối với sinh viên

Để đánh giá nhận thức của sinh viên về KTDH tích cực và hiệu quả của việc sử dụng KTDH tích cực trong dạy học, chúng tôi tiến hành điều tra ở 97 sinh viên khoá D15 ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư và kết quả thu được như sau:

a. Nhận thức của sinh viên về kỹ thuật dạy học tích cực

Để tìm hiểu mức độ hiểu biết của sinh viên về KTDH tích cực, chúng tôi tiến hành điều tra thông qua các câu hỏi và thu được kết quả cụ thể sau:

- Đối với câu hỏi số 1 (theo phiếu điều tra). Theo bạn, kỹ thuật dạy học tích cực là gì?

Bảng 1.9. Hiểu biết của sinh viên về kỹ thuật dạy học

	Số ý kiến	Tỉ lệ %
Phương pháp dạy học có áp dụng nhiều công nghệ hiện đại	7	7,22
Phương pháp dạy học trong đó có nhiều hoạt động hỗ trợ nhằm làm sinh động giờ học	15	15,46
Phương pháp dạy học tập trung vào việc phát huy tính tích cực, chủ động của người học	75	77,32

Qua bảng số liệu trên, ta nhận thấy đa số sinh viên đã có hiểu biết đúng về kỹ thuật dạy học tích cực (77,32%) nhưng vẫn còn một số ít sinh viên nhầm lẫn với các khái niệm khác.

- Đối với câu hỏi số 2 (theo phiếu điều tra). Bạn đã được tiếp cận với khái niệm kỹ thuật dạy học tích cực qua các kênh nào?

Bảng 1.10. Kênh tiếp cận khái niệm kỹ thuật dạy học tích cực

Kênh	Số ý kiến	Tỉ lệ %
Qua bài giảng trên lớp	78	80,41
Qua các tài liệu tham khảo, sách báo	25	25,77
Qua phương tiện truyền thông: tivi, internet,...	35	36,08

Từ các kết quả trên, ta thấy hầu hết sinh viên được hỏi cho biết đã được tiếp cận khái niệm KTDH tích cực qua bài giảng trên lớp (80,81%), trong khi đó kênh tiếp cận qua tài liệu tham khảo, sách báo chiếm tỉ lệ ít (25,77%).

- Đối với câu hỏi số 3 (theo phiếu điều tra). Bạn có biết các kỹ thuật dạy học tích cực sau đây không?

Bảng 1.11. Sự hiểu biết về các kỹ thuật dạy học tích cực

TT	Kỹ thuật dạy học tích cực	Mức độ							
		Không biết		Nghe qua nhưng không rõ		Hiểu cơ bản		Hiểu rõ	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
1	Khăn trải bàn	10	10,31	60	61,86	20	20,62	7	7,21
2	Mảnh ghép	5	5,15	78	80,41	10	10,31	4	4,13
3	Sơ đồ tư duy	0	0	5	5,15	72	74,23	15	20,62
4	KWL	35	36,08	54	55,67	7	7,21	1	1,04
5	Động não	42	43,30	51	52,57	4	4,13	0	0
6	Bể cá	63	64,95	31	31,96	3	3,09	0	0

Kết quả ở bảng 1.10 cho ta biết đã có sự chênh lệch giữa các kỹ thuật dạy học trong việc hiểu biết chúng ở từng mức độ, cụ thể:

+ Đối với kỹ thuật khăn trải bàn có 10,31% sinh viên không biết đến kỹ thuật này, 61,68% sinh viên chỉ nghe qua nhưng không rõ, 20,62% hiểu ở mức cơ bản và chỉ có 7,21% hiểu rõ. Như vậy, kỹ thuật này đã được nhiều sinh viên biết đến nhưng mức độ hiểu rõ còn hạn chế.

+ Đối với kỹ thuật mảnh ghép có tới 80,41% sinh viên đã nghe qua nhưng không rõ, mức độ hiểu rõ của kỹ thuật này còn rất thấp chỉ chiếm 4,13%.

+ Đối với kỹ thuật sơ đồ tư duy: không sinh viên nào trả lời là không biết kỹ thuật này, kỹ thuật này được nhiều sinh viên biết đến với tỷ lệ hiểu cơ bản (74,23%) và hiểu rõ (20,62%) là tương đối cao.

+ Đối với kỹ thuật KWL, động não, bể cá có tỉ lệ hiểu rõ thấp hoặc không có người hiểu rõ.

- Đối với câu hỏi số 5 (theo phiếu điều tra). Em hãy cho biết một số khó khăn gặp phải của bản thân khi được trải nghiệm các giờ học có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực?

Với câu hỏi này chúng tôi thu được kết quả có tới 78/97 (80,41%) sinh viên cho rằng các tiết học áp dụng KTDH tích cực đòi hỏi các bạn phải dành thời gian tự học nhiều hơn; khó khăn trong việc làm việc nhóm,...

b. Hiệu quả sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy

Để tìm hiểu về hiệu quả sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy, chúng tôi tiến hành điều tra thông qua các câu hỏi số 4 (theo phiếu điều tra). Theo em, hiệu quả sau mỗi giờ học khi giảng viên sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực như thế nào? và thu được kết quả cụ thể sau:

Bảng 1.12. Hiệu quả sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy

Hiệu quả	Số ý kiến	Tỉ lệ %
Dễ tiếp thu bài	55	56,70
Nhớ kiến thức lâu hơn	30	30,93
Lôi cuốn, thu hút	85	87,63
Rèn một số kỹ năng như làm việc nhóm, tư duy phản biện,...	75	77,32

Qua bảng số liệu trên ta nhận thấy việc áp dụng KTDH tích cực trong quá trình giảng dạy đã đem lại nhiều lợi ích cho sinh viên trong đó phần lớn sinh viên nhận định giờ học áp dụng KTDH tích cực sẽ lôi cuốn và thu hút các em hơn (chiếm 87,63%).

Như vậy, thông qua kết quả điều tra thực trạng chúng tôi nhận thấy giảng viên và sinh viên đã có những hiểu biết về KTDH, có quan tâm, hứng thú và yêu cầu cần tiếp tục sử dụng KTDH tích cực trong dạy học. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng KTDH tích cực vào giảng dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Trong chương này, chúng tôi đã trình bày những cơ sở lí luận và thực tiễn của việc vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực vào dạy học nói chung và dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học nói riêng.

Về cơ sở lí luận chúng tôi đã tập trung trình bày về 03 kĩ thuật dạy học tích cực gồm kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật khăn trải bàn và kĩ thuật KWL.

Về cơ sở thực tiễn, chúng tôi đã điều tra nhận thức, thực trạng sử dụng KTDH tích cực trong giảng dạy đối với 30 giảng viên và 97 sinh viên khoá D15 ngành Giáo dục tiểu học. Kết quả điều tra cho thấy đa số giảng viên và sinh viên đã có những nhận thức đúng đắn về KTDH tích cực, hiệu quả của việc vận dụng KTDH tích cực trong dạy học.

Từ những cơ sở lí luận và thực tiễn, chúng tôi tập trung nghiên cứu việc vận dụng một số kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học nhằm nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời phát huy tính tích cực trong học tập của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

CHƯƠNG 2. VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TỰ NHIÊN – XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC

2.1. Thiết kế các hoạt động học tập trong học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội theo hướng vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực

2.1.1. Nguyên tắc thiết kế

2.1.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

Đảm bảo tính khoa học trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học là đảm bảo:

- Các hoạt động giảng dạy cần phải hướng tới mục tiêu của học phần, giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra của học phần. Vì vậy, việc thiết kế các hoạt động học có sử dụng KTDH tích cực phải phù hợp với mục tiêu của bài học, nó không chỉ giúp sinh viên nắm vững lý thuyết mà còn giúp sinh viên có thể hình thành những năng lực sư phạm cần thiết.

- Các hoạt động giảng dạy cần phải đảm bảo nội dung của học phần, vì thế trước khi tiến hành thiết kế các hoạt động học tập ngoài việc xác định mục tiêu của bài học, giảng viên cần phải xác định nội dung chính của bài học, trên cơ sở đó giảng viên lựa chọn các KTDH phù hợp nhằm giúp sinh viên tìm hiểu các vấn đề và nắm vững được lượng kiến thức chính của bài học.

- Các hoạt động học tập nên lấy sinh viên làm trung tâm, cho nên cần linh hoạt sử dụng các KTDH tích cực trong quá trình dạy học để phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động và sáng tạo của sinh viên, mang lại hứng thú cho sinh viên trong quá trình học tập. Không nên sử dụng quá nhiều KTDH trong một tiết học hay sử dụng một KTDH nhiều lần trong một tiết học có thể gây ra sự nhàm chán cho sinh viên.

2.1.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm phát triển của sinh viên

Khi sử dụng các KTDH cần lưu ý tới sự phù hợp với năng lực, trình độ nhận thức của từng sinh viên, đảm bảo mỗi sinh viên có thể phát triển tối đa so với khả năng của mình. Các hoạt động cần khuyến khích SV tham gia tích cực, tự chủ trong việc học, phát triển tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề. Các hoạt động giảng dạy nên đa dạng về phương pháp và hình thức, công cụ để tạo hứng thú và đáp ứng các phong cách học tập khác nhau của sinh viên. Các hoạt động cần tạo điều kiện cho sinh viên phát triển toàn diện, không chỉ về mặt kiến thức chuyên môn mà còn về kỹ năng mềm, thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp.

2.1.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn

Khi vận dụng các KTDH tích cực trong dạy học cần phải xem xét đến tính thực tiễn, được thể hiện:

- Trình độ, năng lực chuyên môn của giảng viên, năng lực học tập của sinh viên;
- Phù hợp với nội dung chương trình môn học, có thể phản ánh thực tế giảng dạy và học tập của các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở bậc tiểu học.
- Các KTDH tích cực được đề xuất phải có tính khả thi phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy của nhà trường.

2.1.2. Quy trình thiết kế

- Bước 1: Xác định được mục tiêu, nội dung của bài học
 - + Xác định mục tiêu bài học: Để xác định mục tiêu tiết học, giảng viên phải nghiên cứu kĩ chương trình, kế hoạch bài giảng; mục tiêu đưa ra phải phù hợp với nội dung của bài học, là chuẩn đầu ra mà sinh viên cần đạt được sau mỗi tiết học.
 - + Xác định nội dung bài học: Để xác định khối lượng kiến thức phù hợp cho tiết học giảng viên phải căn cứ vào nội dung chi tiết trong kế hoạch dạy học theo từng buổi đã được nêu ở trong đề cương chi tiết học phần.

- Bước 2: Lựa chọn kĩ thuật dạy học

KTDH áp dụng phải phù hợp với mục tiêu, nội dung tiết học, đặc điểm nhận thức của sinh viên giúp phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên, đồng thời phải phù hợp với cơ sở vật chất, phương tiện dạy học.

- Bước 3: Thiết kế các hoạt động học tập có vận dụng KTDH tích cực

Trên cơ sở xác định được mục tiêu, nội dung, lựa chọn các KTDH tích cực phù hợp, giảng viên tiến hành thiết kế các hoạt động học cụ thể có liên quan đến nội dung kiến thức của tiết học nhằm giúp sinh viên không chỉ nắm vững được các vấn đề mà còn phát huy tối đa năng lực tự học của sinh viên.

2.1.3. Thiết kế một số hoạt động học tập có vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

Chúng tôi xin giới thiệu một số ví dụ cụ thể về áp dụng quy trình mục 2.1.2. vào việc thiết kế các hoạt động học tập trong học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.

2.1.3.1. Vận dụng kĩ thuật mảnh ghép

Khi dạy nội dung mục 2.2. Các phương pháp dạy học chủ yếu trong các môn học về Tự nhiên – Xã hội thuộc Chương 2. Một số phương pháp dạy học đặc trưng của các môn về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.

❖ Bước 1: Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

- Xác định mục tiêu bài học: Diễn giải được khái niệm, tác dụng, các bước tiến hành của phương pháp quan sát, thảo luận, thực hành, giải quyết vấn đề
- Xác định nội dung bài học:

Nội dung của bài học: Tìm hiểu 4 PPDH đặc trưng của các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học gồm: phương pháp quan sát, phương pháp thảo luận,

phương pháp thực hành, phương pháp giải quyết vấn đề.

Với mỗi PPDH trên sẽ nêu khái niệm, tác dụng và phân tích các bước tiến hành của mỗi phương pháp đó.

❖ Bước 2: Lựa chọn KTDH

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của bài học, giảng viên tiến hành lựa chọn KTDH: Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép. Đây là nội dung kiến thức lớn gồm nhiều mảnh kiến thức nhỏ có thể tách rời thành từng nhóm sinh viên nghiên cứu theo từng vấn đề, sau đó ghép lại với nhau để tạo thành bức tranh tổng thể về một số PPDH đặc trưng của các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.

❖ Bước 3: Thiết kế các hoạt động học tập có vận dụng KTDH tích cực

Giảng viên chia lớp thành hai cụm theo dãy; mỗi dãy gồm 4 nhóm, mỗi nhóm gồm 6 sinh viên, cụ thể: Cụm 1 gồm các nhóm: 1A, 2A, 3A, 4A; Cụm 2 gồm các nhóm: 1B, 2B, 3B, 4B. Giảng viên giao nhiệm vụ cho từng nhóm nghiên cứu theo 2 vòng:

- Vòng 1. Nhóm chuyên gia

+ Nhóm 1A, 1B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp quan sát

+ Nhóm 2A, 2B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp thảo luận

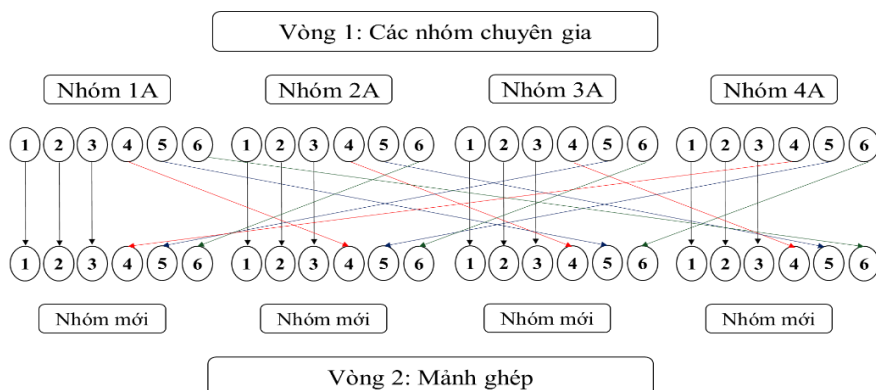
+ Nhóm 3A, 3B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp thực hành

+ Nhóm 4A, 4B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp giải quyết vấn đề

Giảng viên yêu cầu các nhóm thảo luận về nhiệm vụ được giao và ghi thông tin ra giấy. Thời gian hoàn thành 15 phút

- Vòng 2. Nhóm mảnh ghép

+ Các thành viên của nhóm “chuyên gia” được tách ra để hình thành nhóm nhóm “mảnh ghép”, cụ thể cách chia như sau: Mỗi cụm chia thành 4 nhóm mới, mỗi nhóm gồm 6 bạn, sơ đồ di chuyển trong một cụm như sau:



+ Chia sẻ kiến thức: Trong nhóm mới, các “chuyên gia” lần lượt trình bày phần nội dung mà nhóm mình đã nghiên cứu. Các thành viên khác trong nhóm lắng nghe, ghi chép và đặt câu hỏi nếu cần. (Thời gian chia sẻ kiến thức 10 phút)

+ Sau khi kết thúc thời gian chia sẻ thông tin, giảng viên yêu cầu các nhóm “mảnh ghép” tiếp tục thảo luận, trả lời 02 câu hỏi sau:

Câu hỏi 1: Trong các phương pháp dạy học trên, em thấy phương pháp nào phù hợp nhất để dạy môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học? Vì sao?

Câu hỏi 2: Theo em, làm thế nào để kết hợp hiệu quả các phương pháp dạy học khác nhau trong một tiết học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.

+ Các nhóm “mảnh ghép” chia sẻ kết quả thảo luận nhiệm vụ ở vòng 2; Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

+ Giảng viên nhận xét, tổng kết kiến thức.

2.1.3.2. Vận dụng kỹ thuật khăn trải

Khi dạy nội dung mục 2.1. Định hướng đổi mới các phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội thuộc Chương 2. Một số phương pháp dạy học đặc trưng của các môn về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.

❖ Bước 1: Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

- Xác định mục tiêu bài học: Xác định được định hướng đổi mới các PPDH các môn học về Tự nhiên – Xã hội.

- Xác định nội dung bài học: Các định hướng về việc phải đổi mới PPDH các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.

❖ Bước 2: Lựa chọn KTDH

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của bài học, Giảng viên tiến hành lựa chọn KTDH: Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn. Đây là nội dung kiến thức có tính thực tiễn, đòi hỏi sinh viên phải huy động hiểu biết của mình để giải quyết vấn đề. Hình thức dạy học đối với KTDH này là hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm, vì vậy có thể giúp sinh viên hình thành một số kỹ năng như phân tích, tổng hợp kiến thức, giao tiếp, đồng thời tăng cường tinh thần, trách nhiệm của sinh viên trong học tập.

❖ Bước 3: Thiết kế các hoạt động học tập có vận dụng KTDH tích cực

- Giảng viên chia lớp thành 8 nhóm, mỗi nhóm 6 sinh viên.

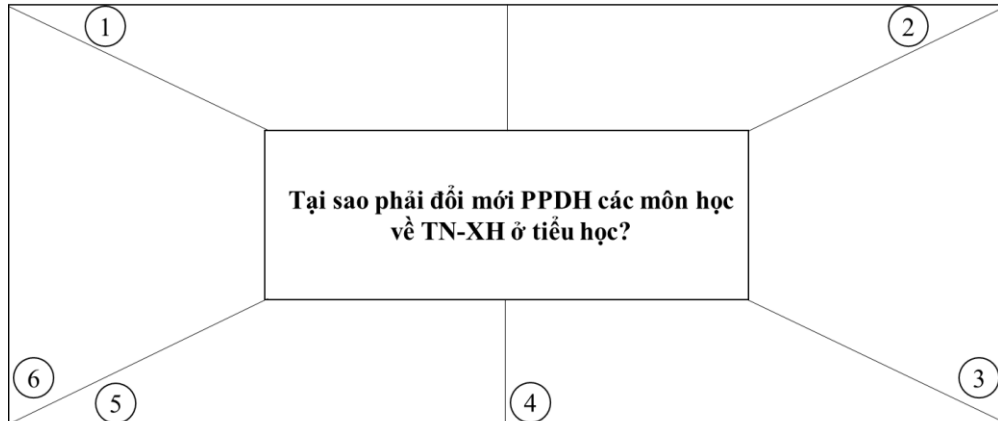
- Giảng viên phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy khổ lớn A0 và bút màu

- Giảng viên giao nhiệm vụ cho các nhóm: “Theo em, tại sao phải đổi mới các phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học?”. Yêu cầu SV thực hiện nhiệm vụ bằng cách hoàn thành phiếu học tập theo kỹ thuật “Khăn trải bàn”. Giảng viên giải thích “Kỹ thuật khăn trải bàn” như sau: Mỗi sinh viên suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời của mình vào một góc của tờ giấy khổ A0; Sau thời gian làm

việc cá nhân, các nhóm thảo luận, thống nhất đưa ra ý kiến chung và viết vào phần chính giữa của khổ giấy A0.

NHÓM:.....

Phiếu học tập: Tìm hiểu về định hướng đổi mới PPDH các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học



- Sinh viên làm việc cá nhân trong vòng 7 phút ghi ra ý tưởng của mình vào các góc khác nhau của tờ giấy (mỗi người một góc).
- Sau khi kết thúc thời gian làm việc cá nhân, nhóm thảo luận chung để tổng hợp và viết ra ý kiến chung của nhóm vào phần trung tâm của tờ giấy.
- Báo cáo kết quả: Mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày; Nhóm khác lắng nghe, bổ sung thêm các ý kiến khác (nếu có).
- Giảng viên nhận xét, tổng kết và làm rõ các điểm quan trọng.

2.1.3.3. Vận dụng kỹ thuật KWL

Khi dạy nội dung “Tìm hiểu chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3”, mục 6.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Tự nhiên – Xã hội lớp 1, 2, 3 thuộc Chương 6. Hướng dẫn dạy học môn học Tự nhiên – Xã hội.

❖ Bước 1: Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

- Xác định mục tiêu bài học: Xác định được vị trí, vai trò, quan điểm xây dựng, mục tiêu của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3.
- Xác định nội dung bài học:

Nội dung của bài học gồm: Vị trí, vai trò của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3 ở bậc tiểu học; 03 quan điểm xây dựng chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3; mục tiêu của chương trình môn học này ở cấp Tiểu học.

❖ Bước 2: Lựa chọn KTDH

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của bài học, giảng viên tiến hành lựa chọn KTDH: Sử dụng kỹ thuật KWL. Đây là nội dung kiến thức yêu cầu sinh viên phân tích, khám phá các khía cạnh khác nhau của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học. Từ đó, có thể giúp sinh viên tăng cường khả năng kết nối kiến thức cũ

và kiến thức mới; tăng sự tò mò, tạo sự động lực để sinh viên khám phá các khía cạnh mới của chương trình; biết so sánh, đối chiếu giữa những điều đã biết và điều vừa học được.

❖ Bước 3: Thiết kế các hoạt động học tập có vận dụng KTDH tích cực

- Giảng viên yêu cầu sinh viên làm việc cá nhân và hướng dẫn sinh viên lập bảng như sau:

K (Điều đã biết)	W (Điều muốn biết)	L (Điều mới học được)
.....

- GV chú thích cho sinh viên cách ghi chép :

+ Cột K là cột viết về những gì em đã biết về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3: Vị trí? Vai trò? Các quan điểm xây dựng chương trình?

+ Cột W là cột em cần phải ghi những điều em muốn biết thêm về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3 (Có thể là muốn tìm hiểu thêm về các quan điểm xây dựng chương trình? Tính tích cực hoá hoạt động của học sinh? Làm thế nào để phát huy tính tích cực trong hoạt động của học sinh? Mục tiêu của chương trình? Phân biệt mục tiêu của chương trình cũ với chương trình mới?...)

+ Cột L là cột em ghi những nội dung kiến thức em đã học được trong bài học.

- Hết thời gian làm việc cá nhân, sinh viên tương tác với giảng viên chia sẻ ý kiến của mình; Giảng viên tổng hợp, giải đáp các ý kiến; nhận xét, đánh giá.

2.2. Xây dựng kế hoạch bài học vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

Qua phân tích chương trình của học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, chúng tôi đề xuất các nội dung có thể soạn và dạy học theo các KTDH tích cực như sau:

Bảng 2.1. Các nội dung có thể vận dụng KTDH tích cực

TT	Chương	Nội dung bài dạy	KTDH tích cực có thể áp dụng
1	Chương 1. Các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học	1.4. Hình thành và phát triển các biểu tượng và khái niệm về Tự nhiên – Xã hội	- Mảnh ghép; - KWL
2	Chương 2. Một số phương pháp dạy học đặc trưng của các môn về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học	2.1. Định hướng đổi mới các phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội	- KWL; - Khăn trải bàn

3		2.2. Các phương pháp dạy học chủ yếu trong các môn học về Tự nhiên – Xã hội	- Mảnh ghép
4	Chương 3. Một số hình thức tổ chức dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội	3.1. Các hướng đổi mới các hình thức tổ chức dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội	- KWL; - Khăn trải bàn
5		3.2. Các hình thức dạy học chủ yếu trong dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội	- KWL; - Mảnh ghép
6	Chương 4. Phương tiện dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học	4.1. Vai trò của các phương tiện dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội	- Khăn trải bàn
7		4.2. Nguyên tắc sử dụng các phương tiện dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội	- Khăn trải bàn
8		4.3. Các phương tiện dạy học chủ yếu của các môn học về Tự nhiên – Xã hội	- Mảnh ghép
9	Chương 5. Kiểm tra và đánh giá trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	5.1. Mục đích và ý nghĩa của việc kiểm tra, đánh giá	- Khăn trải bàn
10		5.3. Một số hình thức kiểm tra, đánh giá	- KWL - Mảnh ghép
11	Chương 6. Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên – Xã hội	6.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3	- KWL; - Khăn trải bàn
12	Chương 7. Hướng dẫn dạy học môn Khoa học	7.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Khoa học lớp 4, 5	- KWL; - Khăn trải bàn
13	Chương 8. Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử - Địa lí	8.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5	- KWL; - Khăn trải bàn

2.2.1. Kế hoạch bài học vận dụng kĩ thuật mảnh ghép

2.2.1.1. Kế hoạch số 1

Lựa chọn nội dung: Mục 2.2. Tìm hiểu về các phương pháp dạy học chủ yếu trong các môn học về Tự nhiên – Xã hội (tiết 1) thuộc Chương 2. Một số phương pháp dạy học đặc trưng của các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.

I. Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

1. Mục tiêu

- Chuẩn đầu ra tiết học

+ Diễn giải được các khái niệm phương pháp quan sát, phương pháp đàm thoại, phương pháp điều tra, phương pháp thực hành

+ Xác định được tác dụng của các phương pháp quan sát, phương pháp đàm thoại, phương pháp điều tra, phương pháp thực hành

+ Phân tích được các bước tiến hành của các phương pháp quan sát, phương pháp đàm thoại, phương pháp điều tra, phương pháp thực hành

+ Tổng hợp được những lưu ý sự phạm cần thiết khi sử dụng các phương pháp quan sát, phương pháp đàm thoại, phương pháp điều tra, phương pháp thực hành

+ Vận dụng được các bước tiến hành phương pháp quan sát, phương pháp đàm thoại, phương pháp điều tra, phương pháp thực hành để tổ chức dạy học.

2. Nội dung của bài học: Tìm hiểu về 4 PPDH gồm: Phương pháp quan sát; Phương pháp đàm thoại; Phương pháp điều tra; Phương pháp thực hành.

II. Chuẩn bị

1. Giảng viên

- Tài liệu theo đề cương chi tiết học phần.

- Các tài liệu khác (hình ảnh, thông tin tra cứu qua internet, các tài liệu tham khảo khác)

- Bài giảng học phần.

- Bìa cứng, màu, giấy khổ A0,...

2. Người học

- Tài liệu học tập theo đề cương chi tiết học phần.

- Tự học theo nội dung hướng dẫn của giảng viên.

- Thực hiện các yêu cầu của học phần (Mục 13), Nội dung hoạt động học (Mục 14.2) được nêu trong Đề cương chi tiết.

III. Phương pháp dạy học

- PPDH: giảng giải, thảo luận, tự học tự nghiên cứu,...

- KTDH: kỹ thuật mảnh ghép

IV. Nội dung bài giảng (Tổ chức dạy học)

Để tìm hiểu 04 phương pháp dạy học chủ yếu trong các môn học về Tự nhiên – Xã hội, Giảng viên tổ chức dạy học nhóm có vận dụng KTDH tích cực mảnh ghép

1. Thành lập nhóm và giao nhiệm vụ học tập

❖ Thành lập nhóm

Giảng viên chia lớp thành hai cụm theo dãy; mỗi dãy gồm 4 nhóm, mỗi nhóm gồm 6 sinh viên, cụ thể: Cụm 1 gồm các nhóm: 1A, 2A, 3A, 4A; Cụm 2 gồm các nhóm: 1B, 2B, 3B, 4B

❖ Giao nhiệm vụ học tập

- Vòng 1. Nhóm chuyên gia

+ Nhóm 1A, 1B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp quan sát

+ Nhóm 2A, 2B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp đàm thoại

+ Nhóm 3A, 3B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp điều tra

+ Nhóm 4A, 4B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp thực hành

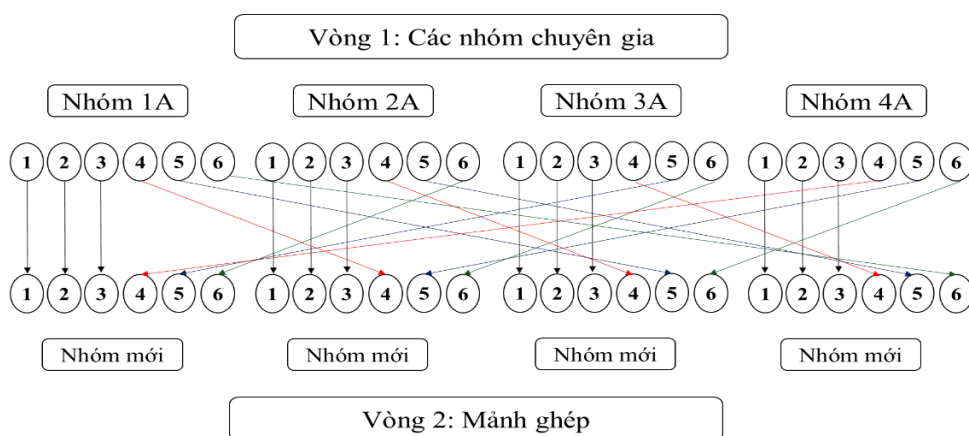
Giảng viên yêu cầu các nhóm thảo luận về nhiệm vụ được giao và ghi thông tin vào phiếu học tập. Thời gian hoàn thành 10 phút

Tên PPDH	Khái niệm	Tác dụng	Cách tiến hành

- Vòng 2. Nhóm mảnh ghép

Thành lập nhóm mới gồm 6 thành viên đảm bảo trong nhóm mới đều có các thành viên đến từ các nhóm chuyên gia.

Hướng dẫn sinh viên di chuyển trong một cụm để tạo thành các nhóm mới ở vòng 2



Nhiệm vụ của vòng 2:

- Các nhóm mảnh ghép tiến hành thảo luận, chia sẻ các thông tin mà mình đã tìm hiểu được ở vòng 1 trong vòng 10 phút.

- Trả lời 02 câu hỏi trong thời gian 5 phút

Câu hỏi 1: Trong các phương pháp dạy học trên, em thấy phương pháp nào phù hợp nhất để dạy môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học? Vì sao?

Câu hỏi 2: Theo em, làm thế nào để kết hợp hiệu quả các phương pháp dạy học khác nhau trong một tiết học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.

2. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và thảo luận

- Giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu các thông tin trong giáo trình để tìm hiểu các vấn đề theo nhiệm vụ của nhóm.

- Giảng viên tổ chức thảo luận theo các vòng của kỹ thuật mảnh ghép, trong quá trình tổ chức thảo luận giảng viên bao quát lớp, đi về các nhóm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận đề ra phương hướng giải quyết cho các nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thảo luận

- Giảng viên cử đại diện 1, 2 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

- Giảng viên có thể bổ sung thêm một số câu hỏi và hướng dẫn sinh viên trả lời để làm nổi bật kiến thức trọng tâm của bài học.

4. Tổng kết, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm

- Tổng kết, chốt kiến thức của bài học

a. Phương pháp quan sát

- **Khái niệm:** Phương pháp quan sát là PPDH giáo viên tổ chức cho học sinh sử dụng các giác quan khác nhau để tri giác các sự vật, hiện tượng trong Tự nhiên – Xã hội một cách có mục đích, có kế hoạch, có trọng tâm, qua đó rút ra được những kết luận khoa học.

- Tác dụng

+ Là PPDH được sử dụng phổ biến ở tiểu học đặc biệt trong dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội. Đối với học sinh tiểu học khi tư duy trực quan cụ thể còn chiếm ưu thế thì quan sát là PPDH mang lại hiệu quả rất cao.

+ Thông qua việc tổ chức cho học sinh quan sát mới hình thành cho các em những biểu tượng và những khái niệm đầy đủ, chính xác, sinh động về thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh.

+ Phát triển năng lực quan sát, năng lực tư duy và ngôn ngữ cho học sinh.

+ Giờ học sẽ trở nên sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn học sinh; học sinh tiếp thu bài tốt, ghi nhớ tốt,...

- **Cách tiến hành:** Bước 1: Xác định mục đích quan sát; Bước 2: Lựa chọn đối tượng quan sát; Bước 3: Tổ chức và hướng dẫn quan sát; Bước 4: Tổ chức cho học

sinh báo cáo kết quả quan sát; Bước 5: Hoàn thiện kết quả quan sát, rút ra kết luận chung.

- **Một số điểm lưu ý khi sử dụng:** Giáo viên cần chuẩn bị chu đáo kế hoạch dạy học, xác định rõ thời điểm tổ chức cho học sinh quan sát. Cần chuẩn bị đầy đủ các đối tượng quan sát phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học: Tranh, ảnh, mẫu vật, sơ đồ, bản đồ... Giáo viên cần chuẩn bị được hệ thống câu hỏi, bài tập chính để hướng dẫn học sinh quan sát các sự vật, hiện tượng có mục đích, có trọng tâm. Việc tổ chức, hướng dẫn quan sát cần phải phức tạp dần phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh ở các lứa tuổi khác nhau. Sử dụng kết hợp phương pháp quan sát với các PPDH khác, không nên lạm dụng PP quan sát.

b. Phương pháp đàm thoại

- **Khái niệm:** Phương pháp đàm thoại (phương pháp hỏi – đáp) là phương pháp giáo viên tổ chức cuộc đối thoại giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh với nhau dựa trên hệ thống câu hỏi nhằm dẫn dắt học sinh đi đến những kết luận khoa học, hoặc vận dụng vốn hiểu biết của mình để tìm hiểu những vấn đề học tập, vấn đề của cuộc sống, trong tự nhiên và xã hội.

- **Tác dụng:** đáp ứng nhu cầu nhận thức cho HS và các em được tham gia giải quyết những vấn đề do bài học đặt ra. Kích thích tính tích cực, hứng thú, tư duy độc lập sáng tạo của học sinh trong học tập; bồi dưỡng cho học sinh năng lực diễn đạt bằng lời nói và làm cho không khí lớp học trở nên sôi nổi. Thông qua việc đàm thoại giáo viên có thể dễ dàng nắm bắt được năng lực học tập, trình độ nhận thức của học sinh, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy của mình để nâng cao hiệu quả dạy học.

- Cách tiến hành

Giáo viên có thể tổ chức hoạt động của học sinh theo các phương án sau:

+ Phương án 1: Giáo viên đặt câu hỏi nhỏ, riêng rẽ chỉ định từng học sinh trả lời (hoặc để học sinh tự nguyện). Tổ hợp các câu hỏi và đáp án là nguồn tri thức mới.

+ Phương án 2: Giáo viên nêu trước lớp một câu hỏi tương đối lớn, kèm theo những gợi ý liên quan đến câu hỏi. HS giúp nhau trả lời từng bộ phận của câu hỏi lớn. Giáo viên tập hợp các câu trả lời đúng của học sinh đi đến câu trả lời cho câu hỏi lớn. Nguồn thông tin mới cho học sinh là tổ hợp các câu trả lời bộ phận và câu hỏi lớn.

+ Phương án 3: Giáo viên nêu một câu hỏi chính, kèm theo gợi ý, nhằm tổ chức cho học sinh thảo luận hoặc đặt những câu hỏi phụ để học sinh giúp nhau tìm lời giải đáp. Câu hỏi chính do giáo viên nêu ra thường kích thích tranh luận. Trước các vấn đề như vậy, ý kiến của học sinh thường khác nhau, hình thành những nhóm bảo vệ từng loại ý kiến, mỗi nhóm tìm ra lí lẽ bênh vực ý kiến của mình. Giáo viên đưa ra lời tổng kết hoặc đưa ra những câu hỏi phụ, hỗ trợ học sinh tự lực đi tới kết luận. Thông tin mới là nội dung tranh luận, câu hỏi chính và lời giải đáp tổng kết.

Trong cả 3 phương án trên, Giáo viên chỉ là người đưa ra vấn đề, gợi ý còn học sinh phải tự tìm ra câu trả lời đúng với sự hỗ trợ của giáo viên.

- **Một số điểm lưu ý khi sử dụng:** Nghệ thuật đặt câu hỏi là yếu tố quyết định thành công của phương pháp này. Vì vậy, khi đặt câu hỏi giáo viên cần lưu ý một số điểm sau: Phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu; Phải logic, phù hợp với nội dung bài dạy; Phải phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh; Phải kích thích được sự suy nghĩ, tìm tòi của học sinh; Tránh đặt những câu hỏi chung chung, quá dễ hoặc quá khó, ...

c. Phương pháp điều tra

- **Khái niệm:** Là PPDH trong đó giáo viên tổ chức và dẫn dắt học sinh tìm hiểu một vấn đề và sau đó dựa trên những thông tin thu thập được giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích, so sánh, khái quát hoá để rút ra kết luận, nêu ra giải pháp và kiến nghị.

- **Tác dụng:** HS được tham gia vào hình thức hoạt động học tập độc lập sáng tạo, tập dượt hoạt động nghiên cứu; giúp HS có kỹ năng làm việc theo kế hoạch, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau; HS bước đầu biết sử dụng các PP toán học, sơ đồ hoá, xử lý số liệu, đề xuất giải pháp cho một vấn đề, chuẩn bị cho hoạt động nghề nghiệp sau này.

- **Cách tiến hành:** Bước 1: Xác định mục đích, nội dung và đối tượng điều tra; Bước 2: Tổ chức cho HS điều tra; Bước 3: Tổ chức cho HS báo cáo kết quả điều tra

- Một số điểm lưu ý khi sử dụng

+ Phương pháp này có thể tiến hành trong học tập nội khoá, hoặc ngoại khoá, với thời lượng rất khác nhau.

+ Giáo viên phải tìm hiểu trước địa điểm để tổ chức cho học sinh đến điều tra

+ Giáo viên giao nhiệm vụ học tập cho học sinh một cách rõ ràng, cụ thể. Đối với học sinh tiểu học nên có phiếu gợi ý cho học sinh ghi chép.

d. Phương pháp thực hành

- **Khái niệm:** Là PPDH trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh được trực tiếp thao tác trên đối tượng nhằm giúp học sinh hiểu rõ và vận dụng lý thuyết vào thực hành, luyện tập, hình thành kỹ năng.

- **Tác dụng:** Tạo điều kiện cho học sinh được rèn luyện kỹ năng thao tác “tay chân”; Giúp giáo viên phát hiện những khó khăn, lỗ hổng kiến thức của học sinh để chỉ dẫn thêm hoặc giúp đỡ; Làm cho giờ học sinh động, học sinh học tập hứng thú, tích cực .

- Cách tiến hành

+ Bước 1: Giúp học sinh hiểu vì sao cần thực hiện kỹ năng đó cùng với một số thông tin quan trọng khác.

+ Bước 2: Giáo viên hướng dẫn để học sinh biết trình tự các bước và cách thực hiện từng thao tác. Cách tốt nhất là học sinh được xem trình diễn hoặc nghiên cứu tình huống. Trong trường hợp làm mẫu thì giáo viên nên làm mẫu với tốc độ vừa phải để học sinh theo dõi và tiếp thu được. Tốt nhất giáo viên vừa làm mẫu vừa kết hợp giải thích cách thao tác.

+ Bước 3: Tổ chức cho học sinh thực hành

+ Bước 4: Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả thực hành trước lớp

- **Một số điểm lưu ý khi sử dụng:** Học sinh cần có phiếu hoặc sách,... để hỗ trợ việc ghi nhớ nếu quy trình thao tác gồm nhiều bước; Việc thực hành của học sinh do các em tự thực hiện và cần được giáo viên giám sát và hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời.

V. Câu hỏi hướng dẫn ôn tập, định hướng thảo luận, bài tập thực hành vận dụng

- Sinh viên trả lời các câu hỏi trắc nghiệm số 4, 5, 6, 24, 26, 27, 29 trong giáo trình từ trang 70 – 74.

- Lấy ví dụ minh họa có vận dụng phương pháp quan sát để dạy một nội dung học tập môn Tự nhiên và Xã hội.

- Lấy ví dụ minh họa có vận dụng phương pháp điều tra để dạy một nội dung học tập môn Tự nhiên và Xã hội.

- Lấy ví dụ minh họa có vận dụng phương pháp thực hành để dạy một nội dung học tập môn Tự nhiên và Xã hội.

VI. Nội dung chuẩn bị cho bài sau

Đọc tài liệu theo hướng dẫn trong nội dung Hoạt động học hàng tuần (Mục 14.2), Đề cương chi tiết học phần.

2.2.1.2. Kế hoạch số 2

Lựa chọn nội dung: Tìm hiểu một số loại công cụ đánh giá thuộc Mục 5.3. Một số hình thức kiểm tra, đánh giá của Chương 5. Kiểm tra đánh giá trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học

I. Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

1. Mục tiêu

Chuẩn đầu ra tiết học

- Xác định được đặc điểm, các yêu cầu đối với các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

- Có kỹ năng xây dựng bộ công cụ đánh giá kết quả học tập các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan

2. Nội dung của bài học: Tìm hiểu về 4 loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan gồm: Trắc nghiệm dạng lựa chọn đúng – sai, Trắc nghiệm dạng nhiều lựa chọn, Trắc nghiệm dạng đối chiếu cặp đôi, Trắc nghiệm dạng điền khuyết.

II. Chuẩn bị

1. Giảng viên

- Tài liệu theo đề cương chi tiết học phần.
- Các tài liệu khác (hình ảnh, thông tin tra cứu qua internet, các tài liệu tham khảo khác)

- Bài giảng học phần.
- Bìa cứng, màu, giấy khổ A0,...

2. Người học

- Tài liệu học tập theo đề cương chi tiết học phần.
- Tự học theo nội dung hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các yêu cầu của học phần (Mục 13), Nội dung hoạt động học (Mục 14.2) được nêu trong Đề cương chi tiết.

III. Phương pháp dạy học

- PPDH: giảng giải, thảo luận, tự học tự nghiên cứu,...
- KTDH: kỹ thuật mảnh ghép

IV. Nội dung bài giảng (Tổ chức dạy học)

Để tìm hiểu 04 dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong các môn học về Tự nhiên – Xã hội, Giảng viên tổ chức dạy học nhóm có vận dụng KTDH tích cực mảnh ghép.

1. Thành lập nhóm và giao nhiệm vụ học tập

❖ Thành lập nhóm

Giảng viên chia lớp thành hai cụm theo dãy; mỗi dãy gồm 4 nhóm, mỗi nhóm gồm 6 sinh viên, cụ thể: Cụm 1 gồm các nhóm: 1A, 2A, 3A, 4A; Cụm 2 gồm các nhóm: 1B, 2B, 3B, 4B

❖ Giao nhiệm vụ học tập

- Vòng 1. Nhóm chuyên gia

+ Nhóm 1A, 1B: Tìm hiểu đặc điểm, yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan dạng lựa chọn đúng - sai

+ Nhóm 2A, 2B: Tìm hiểu đặc điểm, yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan dạng nhiều lựa chọn

+ Nhóm 3A, 3B: Tìm hiểu đặc điểm, yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan dạng đối chiếu cặp đôi

+ Nhóm 4A, 4B: Tìm hiểu đặc điểm, yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan dạng điền khuyết.

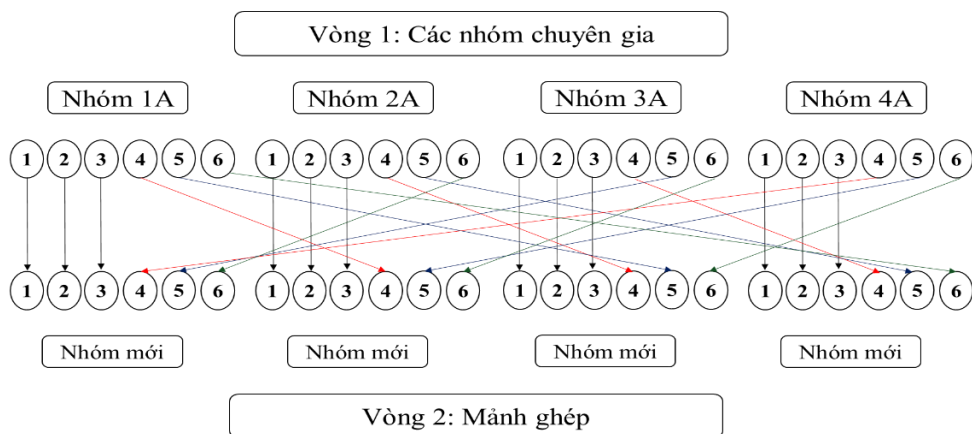
Giảng viên yêu cầu các nhóm thảo luận về nhiệm vụ được giao và ghi thông tin vào phiếu học tập. Thời gian hoàn thành 10 phút

Dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan	Đặc điểm	Yêu cầu	Ví dụ minh họa

- Vòng 2. Nhóm mảnh ghép

Thành lập nhóm mới gồm 6 thành viên đảm bảo trong nhóm mới đều có các thành viên đến từ các nhóm chuyên gia.

Hướng dẫn sinh viên di chuyển trong một cụm để tạo thành các nhóm mới ở vòng 2



Nhiệm vụ của vòng 2:

- Các nhóm mảnh ghép tiến hành thảo luận, chia sẻ các thông tin mà mình đã tìm hiểu được ở vòng 1 trong vòng 10 phút.

- Trả lời 02 câu hỏi trong thời gian 5 phút

Câu hỏi 1: Trong các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan em thấy dạng nào dễ áp dụng nhất đối với học sinh tiểu học? Vì sao?

Câu hỏi 2: Lựa chọn 1 hoạt động học trong sách giáo khoa Tự nhiên và xã hội lớp 3 và xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan để đánh giá kết quả học tập hoạt động đó của học sinh.

2. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và thảo luận

- Giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu các thông tin trong giáo trình để tìm hiểu các vấn đề theo nhiệm vụ của nhóm.

- Giảng viên tổ chức thảo luận theo các vòng của kỹ thuật mảnh ghép, trong quá trình tổ chức thảo luận giảng viên bao quát lớp, đi về các nhóm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận đề ra phương hướng giải quyết cho các nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thảo luận

- Giảng viên cử đại diện 1, 2 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

- Giảng viên có thể bổ sung thêm một số câu hỏi và hướng dẫn sinh viên trả lời

để làm nổi bật kiến thức trọng tâm của bài học.

4. Tổng kết, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm
- Tổng kết, chốt kiến thức của bài học

Loại trắc nghiệm khách quan bao gồm các dạng câu hỏi:

❖ Câu hỏi nhiều lựa chọn: Gồm 2 phần

- Phần câu dẫn: Là một câu hỏi bỏ lửng tạo cơ sở cho sự lựa chọn.
- Phần lựa chọn: gồm nhiều hướng trả lời

Yêu cầu của loại này là chọn một phương án đúng hoặc đúng nhất trong số các phương án trả lời.

Ưu điểm: Đo được các mức độ nhận thức khác nhau

Hạn chế khả năng đoán mò

Khi xây dựng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn cần lưu ý: Không nên đưa quá nhiều ý; Cố gắng tạo phương án nhiễu như gần giống (khó phân biệt) với phương án đúng; Các phương án nhiễu phải có lý; Tránh dùng các phương án phủ định nhau trong cùng một câu hỏi

❖ Câu hỏi đúng sai: Gồm 2 phần

- Phần lệnh: Là một câu hỏi hoặc một phát biểu.
- Phần trả lời: gồm nhiều câu để lựa chọn đúng- sai

Yêu cầu của loại này là học sinh xác định các phương án đúng hoặc sai trong số các phương án trả lời.

Ưu điểm: Dễ xây dựng: nhiều câu vì mất ít thời gian, khả năng bao quát chương trình lớn; Tuy vậy độ chính xác không cao; khả năng đoán mò lớn; Chỉ kiểm tra được ở mức độ đơn giản

Khi xây dựng câu hỏi trắc nghiệm đúng sai cần lưu ý: Chọn câu dẫn học sinh trung bình có thể nhận ra ngay; Không nên trích nguyên câu văn trong sách giáo khoa; Mỗi câu hỏi nên diễn tả một ý, tránh gồm nhiều chi tiết; Cần đảm bảo tính đúng sai của câu là chắc chắn; Tránh dùng các cụm từ: Không bao giờ, tất cả...; Không nên bố trí số câu đúng sai bằng nhau

❖ Câu hỏi ghép đôi: Gồm 2 phần:

- Phần yêu cầu: Câu dẫn.
- Phần thông tin ở cột: gồm nhiều câu lựa chọn để ghép

Yêu cầu của loại này là lựa chọn yếu tố tương đương ở mỗi cặp thông tin từ cột này đến cột kia

Có 2 hình thức: Đối chiếu hoàn toàn, đối chiếu không hoàn toàn

Ưu điểm: Dễ xây dựng; Có thể hạn chế sự đoán mò bằng cách làm cho số lượng thông tin ở 2 cột không bằng nhau.

Khi xây dựng câu hỏi trắc nghiệm ghép đôi chọn cần lưu ý: Dãy thông tin không nên quá dài; Thông tin ở 2 cột không nên bằng nhau; Thứ tự các câu ở 2 cột không nên khớp nhau để gây khó khăn trong việc lựa chọn và ghép đôi

❖ **Câu hỏi điền khuyết**

Là dạng câu hỏi đòi hỏi người học phải hoàn thành câu trả lời bằng cách điền vào chỗ trống (...) những thông tin phù hợp.

Những thông tin này có thể là một từ, cụm từ hay một dãy số, một con số.

Gồm 2 phần

- Phần 1: Câu dẫn (lệnh).

- Phần 2: là câu điền khuyết (có thể có cụm từ, hoặc từ cho trước để lựa chọn)

Câu hỏi dạng trả lời ngắn: Là dạng câu hỏi đòi hỏi người học phải hoàn thành câu trả lời bằng trả lời những thông tin phù hợp ngắn gọn; Là tên nhân vật, kết quả phép tính....

Câu hỏi bằng hình vẽ: Chỉ có 1 phần: Câu dẫn (lệnh); Vẽ, hoàn thiện bức tranh, sơ đồ, nhận biết cơ quan

Mỗi một loại trắc nghiệm đều có những ưu và nhược điểm nhất định, vì vậy nên cần cân nhắc để sử dụng phối hợp các loại trắc nghiệm khác nhau để có thể đánh giá được chính xác và khách quan không chỉ kiến thức mà cả các mặt kỹ năng, thái độ, khả năng sáng tạo... của học sinh.

V. Câu hỏi hướng dẫn ôn tập, định hướng thảo luận, bài tập thực hành vận dụng

Xây dựng kế hoạch bài học cụ thể, trong đó có tình huống sử dụng các câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Nội dung chuẩn bị cho bài sau

Đọc tài liệu theo hướng dẫn trong nội dung Hoạt động học hàng tuần (Mục 14.2), Đề cương chi tiết học phần.

2.2.2. Vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn

2.2.2.1. Kế hoạch số 1

Lựa chọn nội dung: Mục 3.1. Các hướng đổi mới các hình thức tổ chức dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội thuộc Chương 3. Một số hình thức tổ chức dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội

I. Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

1. Mục tiêu

Xác định được các định hướng đổi mới các hình thức tổ chức dạy học

2. Nội dung của bài học:

Định hướng đổi mới các hình thức tổ chức dạy học.

II. Chuẩn bị

1. Giảng viên

- Tài liệu theo đề cương chi tiết học phần.
- Các tài liệu khác (hình ảnh, thông tin tra cứu qua internet, các tài liệu tham khảo khác)

- Bài giảng học phần.
- Bìa cứng, màu, giấy khổ A0,...

2. Người học

- Tài liệu học tập theo đề cương chi tiết học phần.
- Tự học theo nội dung hướng dẫn của GV.
- Thực hiện các yêu cầu của học phần (Mục 13), Nội dung hoạt động học (Mục 14.2) được nêu trong Đề cương chi tiết.

III. Phương pháp dạy học

- PPDH: giảng giải, thảo luận, vấn đáp, tự học tự nghiên cứu
- KTDH: kỹ thuật khăn trải bàn

IV. Nội dung bài giảng (Tổ chức dạy học)

Để tìm hiểu mục 3.1. Các hướng đổi mới các hình thức tổ chức dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội, tổ chức dạy học nhóm có vận dụng KTDH khăn trải bàn.

1. Thành lập nhóm và giao nhiệm vụ học tập

❖ Thành lập nhóm

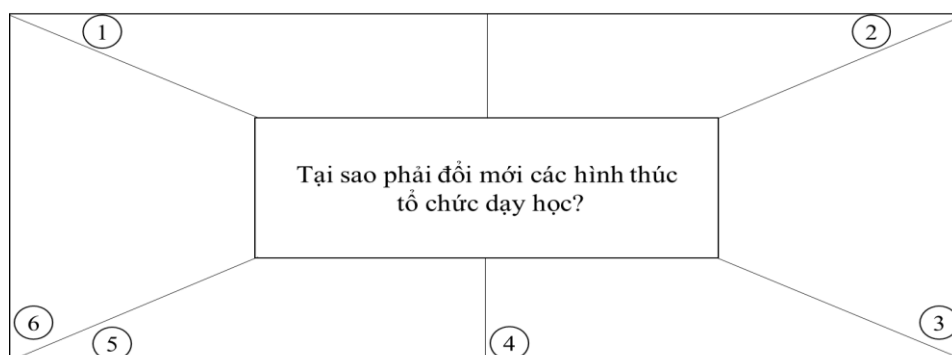
Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 sinh viên.

❖ Giao nhiệm vụ học tập

- Giảng viên phát cho mỗi nhóm một phiếu học tập khổ giấy khổ A0
- Giảng viên giao nhiệm vụ cho các nhóm: “Tại sao phải đổi mới các hình thức tổ chức dạy học” bằng cách hoàn thành nội dung phiếu học tập theo kỹ thuật khăn trải bàn.

NHÓM:.....

Phiếu học tập: Tìm hiểu về các định hướng đổi mới hình thức tổ chức dạy học



- Thời gian hoàn thành nhiệm vụ 10 phút

2. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và thảo luận

- Giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu các thông tin trong giáo trình để tìm hiểu các vấn đề theo nhiệm vụ của nhóm.

- Giảng viên tổ chức thảo luận theo nhóm của kỹ thuật khăn trải bàn, trong quá trình tổ chức thảo luận giảng viên bao quát lớp, đi về các nhóm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận đề ra phương hướng giải quyết cho các nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thảo luận

- Giảng viên cử đại diện 1, 2 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.
- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn.
- Giảng viên có thể bổ sung thêm một số câu hỏi và hướng dẫn sinh viên trả lời để làm nổi bật kiến thức trọng tâm của bài học.

4. Tổng kết, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm
- Tổng kết kiến thức của bài học
- ❖ Định hướng đổi mới các hình thức tổ chức dạy học là làm sao cho các em học sinh được: Suy nghĩ nhiều hơn; Thảo luận nhiều hơn; Làm việc nhiều hơn; Hoạt động nhiều hơn trên các giờ học
- ❖ Các định hướng đổi mới hình thức tổ chức dạy học bao gồm: Cải tiến về mặt không gian; Cải tiến về thời gian; Cải tiến về mặt địa điểm; Cải tiến về số lượng; Cải tiến về người điều khiển học tập của học sinh; Cải tiến về nội dung bài học

V. Câu hỏi hướng dẫn ôn tập, định hướng thảo luận, bài tập thực hành vận dụng

Phân tích định hướng đổi mới hình thức tổ chức dạy học các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.

VI. Nội dung chuẩn bị cho bài sau

Đọc tài liệu theo hướng dẫn trong nội dung Hoạt động học hàng tuần (Mục 14.2), Đề cương chi tiết học phần.

2.2.2.2. Kế hoạch số 2

Lựa chọn nội dung: 6.1.2. Tìm hiểu về sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3 thuộc mục 6.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3 ở Chương 6. Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên – Xã hội

I. Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

1. Mục tiêu

Diễn giải được về cấu trúc sách giáo khoa, ý nghĩa các logo, cấu trúc bài học, các dạng bài có trong sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3

2. Nội dung của bài học: Tìm hiểu về sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3

II. Chuẩn bị

1. Giảng viên

- Tài liệu theo đề cương chi tiết học phần.
- Các tài liệu khác (hình ảnh, thông tin tra cứu qua internet, các tài liệu tham khảo khác)

- Bài giảng học phần.
- Bìa cứng, màu, giấy khổ A0,...

2. Người học

- Tài liệu học tập theo đề cương chi tiết học phần.
- Tự học theo nội dung hướng dẫn của GV.
- Thực hiện các yêu cầu của học phần (Mục 13), Nội dung hoạt động học (Mục 14.2) được nêu trong Đề cương chi tiết.

III. Phương pháp dạy học

- PPDH: giảng giải, thảo luận, vấn đáp, tự học tự nghiên cứu
- KTDH: kỹ thuật khăn trải bàn

IV. Nội dung bài giảng (Tổ chức dạy học)

Đề tìm hiểu mục 6.1.2. Tìm hiểu về SGK môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3; GV tổ chức dạy học nhóm có vận dụng KTDH khăn trải bàn.

1. Thành lập nhóm và giao nhiệm vụ học tập

❖ Thành lập nhóm

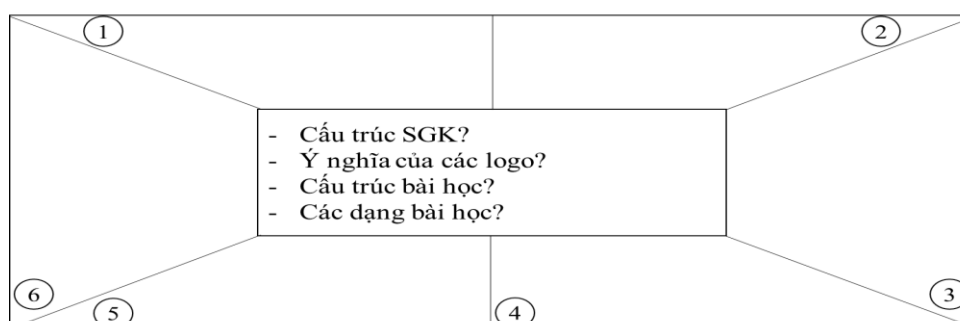
Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 sinh viên

❖ Giao nhiệm vụ học tập

- Giảng viên phát cho mỗi nhóm một phiếu học tập khổ giấy khổ A0
- Giảng viên giao nhiệm vụ cho các nhóm: “Tìm hiểu về SGK môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3” bằng cách hoàn thành nội dung phiếu học tập theo kỹ thuật khăn trải bàn

NHÓM:.....

Phiếu học tập: Tìm hiểu về SGK môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học



- Thời gian hoàn thành nhiệm vụ 10 phút

2. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và thảo luận

- Giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu các thông tin trong giáo trình để tìm

hiểu các vấn đề theo nhiệm vụ của nhóm.

- Giảng viên tổ chức thảo luận theo nhóm của kĩ thuật khăn trải bàn, trong quá trình tổ chức thảo luận giảng viên bao quát lớp, đi về các nhóm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận đề ra phương hướng giải quyết cho các nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thảo luận

- Giảng viên cử đại diện 1, 2 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.
- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn.
- Giảng viên có thể bổ sung thêm một số câu hỏi và hướng dẫn sinh viên trả lời để làm nổi bật kiến thức trọng tâm của bài học.

4. Tổng kết, đánh giá

- Giảng viên nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm
- Tổng kết kiến thức của bài học

❖ Cấu trúc chung của cuốn sách

Cuốn sách gồm 3 phần:






- Phần đầu: giới thiệu tên sách, các tác giả biên soạn sách, mục lục, lời nói đầu và giới thiệu các kí hiệu thường được sử dụng trong sách.

- Phần nội dung: có 6 chủ đề (Xã hội: Chủ đề 1 → 3; tự nhiên (4 → 6)). Trong mỗi chủ đề có nhiều bài. Cuối chủ đề là bài ôn tập.

- Phần thuật ngữ nằm ở cuối SGK : danh mục thuật ngữ được sắp xếp theo vần, các từ chuyên môn được nhắc đến ở các trang giúp cho người đọc dễ tra cứu.

❖ Ý nghĩa của các logo

Các hoạt động học tập được chỉ dẫn bằng các logo sinh động, hấp dẫn

Logo	Ý nghĩa
	Hoạt động mở đầu: gợi mở vấn đề của bài học, tạo hứng thú cho học sinh trước khi khám phá kiến thức mới
	Hoạt động khám phá: học sinh được trải nghiệm, tương tác để phát hiện ra kiến thức mới. Giáo viên tổ chức các hoạt động quan sát, điều tra, thảo luận ... để học sinh khám phá và lĩnh hội kiến thức
	Hoạt động thực hành: Giúp học sinh củng cố, đào sâu và mở rộng kiến thức đã được khám phá thông qua các hoạt động học tập như chơi trò chơi, nói, vẽ, kể
	Hoạt động vận dụng: Vận dụng kiến thức vào các tình huống tương tự, tình huống mới hay thực tiễn cuộc sống ...
	Dẫn dắt, nhắc nhở (ghi nhớ/ kiến thức cốt lõi):

- Cuối mỗi chủ đề là một gợi ý sản phẩm học tập mà các em có thể làm dự án

❖ Cấu trúc bài học

- Mỗi bài học được cấu trúc từ 2-3 tiết

- Mỗi bài được trình bày trong 2 trang liền nhau
- Cấu trúc bài học thống nhất: bao gồm các hoạt động học tập được chỉ dẫn bởi các kí hiệu biểu trưng cho phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

❖ **Các dạng bài học:** Có 3 dạng bài học:

- Dạng hình thành kiến thức mới (đa số các bài trong SGK): gồm hoạt động
- Dạng bài thực hành: Với 3 hoạt động chính
- Dạng bài ôn tập

V. Câu hỏi hướng dẫn ôn tập, định hướng thảo luận, bài tập thực hành vận dụng

1. Nêu cấu trúc của sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội? Vai trò tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh ở kênh chữ, kênh hình trong sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội được thể hiện như thế nào?

2. Sự khác biệt trong cách trình bày của sách giáo khoa mới so với sách giáo khoa cũ ở đặc điểm nào?

VI. Nội dung chuẩn bị cho bài sau

Đọc tài liệu theo hướng dẫn trong nội dung Hoạt động học hàng tuần (Mục 14.2), Đề cương chi tiết học phần.

2.2.3. Vận dụng kĩ thuật KWL

2.2.3.1. Kế hoạch số 1

Lựa chọn nội dung: Mục 1.4. Hình thành và phát triển các biểu tượng và khái niệm về Tự nhiên – Xã hội thuộc Chương 1. Các môn học về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học

I. Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

1. Mục tiêu

Xác định quá trình hình thành và phát triển của các biểu tượng và khái niệm về Tự nhiên và Xã hội

2. Nội dung của bài học: Hình thành các biểu tượng, khái niệm về tự nhiên và xã hội.

II. Chuẩn bị

1. Giảng viên

- Tài liệu theo đề cương chi tiết học phần.
- Các tài liệu khác (hình ảnh, thông tin tra cứu qua internet, các tài liệu tham khảo khác)
- Bài giảng học phần.
- Phấn màu, phiếu học tập (nếu có),....

2. Người học

- Tài liệu học tập theo đề cương chi tiết học phần.

- Tự học theo nội dung hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các yêu cầu của học phần (Mục 13), Nội dung hoạt động học (Mục 14.2) được nêu trong Đề cương chi tiết.

III. Phương pháp dạy học

- PPDH: giảng giải, thảo luận, vấn đáp, tự học tự nghiên cứu
- KTDH: kỹ thuật KWL

IV. Nội dung bài giảng (Tổ chức dạy học)

Để tìm hiểu mục 1.4. Hình thành và phát triển các biểu tượng và khái niệm về Tự nhiên – Xã hội; Giảng viên tổ chức dạy học nhóm có vận dụng KTDH KWL.

1. Thành lập nhóm và giao nhiệm vụ học tập

❖ Thành lập nhóm

Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 sinh viên

❖ Giao nhiệm vụ học tập

Giảng viên yêu cầu sinh viên hoàn thành cột K, W trong phiếu học tập: Tìm hiểu việc hình thành, phát triển các biểu tượng và khái niệm về Tự nhiên – Xã hội.

- Cột K (Điều mà em đã biết): Khái niệm, đặc điểm của tri giác (đã học ở học phần Tâm lí học đại cương); Khả năng tri giác của học sinh lứa tuổi tiểu học; ...

- Cột W: Điều em muốn biết thêm về việc hình thành, phát triển các biểu tượng và khái niệm về Tự nhiên – Xã hội: phân loại khái niệm; phương pháp hình thành khái niệm và biểu tượng về tự nhiên và xã hội;...

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu về việc hình thành, phát triển các biểu tượng và khái niệm về Tự nhiên – Xã hội

K (Điều mà em đã biết)	W (Điều mà em muốn biết)	L (Điều mà em mới học được)
.....

- Thời gian hoàn thành 10 phút

2. GV hướng dẫn SV tự nghiên cứu và thảo luận

- Giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu các thông tin trong giáo trình kết hợp với các kiến thức thực tế của bản thân để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

- Giảng viên tổ chức thảo luận theo nhóm của kỹ thuật KWL, trong quá trình tổ chức thảo luận giảng viên bao quát lớp, đi về các nhóm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận đề ra phương hướng giải quyết cho các nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thảo luận

- Giảng viên gọi đại diện một số nhóm chia sẻ ý kiến của nhóm mình về những điều mà em đã biết, những điều em muốn biết liên quan đến nhiệm vụ học tập được giao.

- Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu có).
- Giảng viên có thể bổ sung thêm một số câu hỏi và hướng dẫn sinh viên trả lời để làm nổi bật kiến thức trọng tâm của bài học.

4. Tổng kết, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm
- Tổng kết kiến thức của bài học

❖ Hình thành các biểu tượng về tự nhiên và xã hội

- Sự tri giác các hiện tượng riêng lẻ

Bước đầu của quá trình lĩnh hội tri thức là quá trình tri giác các hiện tượng tự nhiên và xã hội riêng lẻ. Tri giác luôn dựa trên cảm giác và kinh nghiệm đã có nên khi tổ chức cho học sinh tri giác một đối tượng mới, giáo viên cần phải tìm hiểu xem ở học sinh đã có những kinh nghiệm gì về đối tượng đó và phải biết vận dụng chúng như cơ sở để học sinh lĩnh hội cái mới. Việc tri giác sẽ mang lại chất lượng cao nếu khi tri giác học sinh xác định được những nhiệm vụ rõ ràng. Việc tri giác sẽ diễn ra một cách tích cực hơn khi giáo viên đặt học sinh vào tình huống có vấn đề hoặc nêu ra các câu hỏi kích thích học sinh suy nghĩ như: “Tại sao lại xảy ra hiện tượng đó?”, “Có thể giải thích hiện tượng đó như thế nào?”

Khả năng tri giác của học sinh tiểu học rất thấp. Thông thường các em chỉ nhận biết các dấu hiệu bên ngoài, những dấu hiệu không bản chất về các sự vật, hiện tượng. Để giúp các em có thể nhận biết được các dấu hiệu bản chất của các sự vật, hiện tượng cần tổ chức cho học sinh quan sát. Vì quan sát chính là quá trình tri giác có kế hoạch, có trọng tâm, là hình thức cao nhất của tri giác. Quan sát cho ta hình ảnh đầy đủ về các sự vật, hiện tượng.

- Hình thành biểu tượng

Biểu tượng là hình ảnh nguyên vẹn hoặc có sáng tạo về các sự vật và hiện tượng mà con người đã tri giác trước kia được tái hiện trong não người. Nhờ có các biểu tượng mà con người có thể suy nghĩ và hành động với các sự vật, hiện tượng khi không có mặt chúng. Biểu tượng ở học sinh là những hình ảnh trực quan và cụ thể nhưng khái quát hơn kết quả của quá trình tri giác nói chung.

Các bước hình thành biểu tượng:

- + Bước 1: Huy động vốn kiến thức của học sinh về đối tượng quan sát, tìm hiểu xem ở học sinh đã có những kiến thức nào về đối tượng sẽ quan sát.
- + Bước 2: Cho học sinh quan sát vật thật/tranh vẽ/mô hình,...
- + Bước 3: Đặt câu hỏi hoặc đưa ra tình huống có vấn đề để HS phát hiện ra những đặc điểm của sự vật, hiện tượng đó.
- + Bước 4: So sánh một loạt các sự vật, hiện tượng để tìm ra dấu hiệu bản chất.

+ Bước 5: Củng cố biểu tượng: nhận biết các sự vật hiện tượng dựa vào dấu hiệu bản chất của chúng

❖ **Hình thành các khái niệm về tự nhiên và xã hội**

- Khái niệm là sản phẩm của quá trình tư duy, nhờ có khái niệm mà con người có thể nhận thức được bản chất của các sự vật, hiện tượng, quá trình và khái quát được dấu hiệu bản chất của chúng

- Phân loại:

+ Khái niệm chung: Là khái niệm chứa đựng dấu hiệu bản chất của một loạt các sự vật hiện tượng

+ Khái niệm riêng ngoài những dấu hiệu chung của sự vật hiện tượng còn mang những dấu hiệu đã trưng riêng của chúng

- **Các giai đoạn hình thành khái niệm về tự nhiên và xã hội**

+ Theo Gôrôscô V.P và Stepanop chia quá trình hình thành khái niệm thành 2 giai đoạn:

- *Hình thành biểu tượng*: Tổ chức cho học sinh quan sát sự vật, hiện tượng để phát hiện những dấu hiệu bên ngoài. Qua sự quan sát các sự vật hiện tượng phát hiện ra dấu hiệu bản chất của chúng.

- *Hình thành khái niệm*: Sau khi học sinh đã có biểu tượng về sự vật hiện tượng hay nói cách khác đã nắm được dấu hiệu bản chất của chúng, giáo viên hình thành cho học sinh khái niệm chung trước, khái niệm riêng sau.

+ Theo I.T cupecsevich chia quá trình hình thành khái niệm thành 5 giai đoạn:

- *Phân tích mở đầu*: Học sinh phân biệt các sự vật hiện tượng liên quan đến khái niệm với các sự vật hiện tượng khác.

- *Khái quát*: Giáo viên dẫn dắt học sinh chỉ ra đặc điểm chung, dấu hiệu đặc trưng của các sự vật hiện tượng.

- *Phân hóa*: Phân biệt các đặc điểm khác nhau của các sự vật hiện tượng nhằm mục đích củng cố các dấu hiệu chung và nắm được các dấu hiệu đặc trưng của các sự vật hiện tượng đơn lẻ.

- *Tổng hợp*: Giáo viên dẫn dắt học sinh phát biểu khái niệm trên cơ sở nắm được các dấu hiệu bản chất của các sự vật, hiện tượng.

- *Sử dụng*: Học sinh áp dụng khái niệm vào tình huống mới để củng cố khái niệm và áp dụng trong thực tế.

2.2.3.2. Kế hoạch số 2

Lựa chọn nội dung: Mục 6.1.1. Khái quát về chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3 thuộc Chương 6. Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên – Xã hội.

I. Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

1. Mục tiêu

Xác định được mục tiêu, nội dung chương trình môn TN-XH lớp 1, 2, 3.

2. Nội dung của bài học: Tìm hiểu chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3.

II. Chuẩn bị

1. Giảng viên

- Tài liệu theo đề cương chi tiết học phần.
- Các tài liệu khác (hình ảnh, thông tin tra cứu qua internet, các tài liệu tham khảo khác)

- Bài giảng học phần.

- Phần màu, phiếu học tập (nếu có),....

2. Người học

- Tài liệu học tập theo đề cương chi tiết học phần.

- Tự học theo nội dung hướng dẫn của giảng viên.

- Thực hiện các yêu cầu của học phần (Mục 13), Nội dung hoạt động học (Mục 14.2) được nêu trong Đề cương chi tiết.

III. Phương pháp dạy học

- PPDH: giảng giải, thảo luận, vấn đáp, tự học tự nghiên cứu

- KTDH: kĩ thuật KWL

IV. Nội dung bài giảng (Tổ chức dạy học)

Để tìm hiểu mục 6.1.1. Khái quát về chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3; Giảng viên tổ chức dạy học nhóm có vận dụng KTDH KWL

1. Thành lập nhóm và giao nhiệm vụ học tập

❖ Thành lập nhóm

Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 sinh viên

❖ Giao nhiệm vụ học tập

Giảng viên yêu cầu sinh viên hoàn thành cột K, W trong phiếu học tập: Tìm hiểu về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, theo gợi ý sau:

- Cột K: Em đã biết gì về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội: Vị trí? Vai trò? Các quan điểm xây dựng chương trình?

- Cột W: Điều em muốn biết thêm về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội: Các quan điểm xây dựng chương trình? Mục tiêu của chương trình? Phân biệt mục tiêu của chương trình cũ với chương trình mới?,....

Tìm hiểu về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học

K	W	L
(Điều mà em đã biết)	(Điều mà em muốn biết)	(Điều mà em mới học được)
.....

- Thời gian hoàn thành 10 phút

2. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và thảo luận

- Giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu các thông tin trong giáo trình kết hợp với các kiến thức thực tế của bản thân để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

- Giảng viên tổ chức thảo luận theo nhóm của kỹ thuật KWL, trong quá trình tổ chức thảo luận giảng viên bao quát lớp, đi về các nhóm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận đề ra phương hướng giải quyết cho các nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thảo luận

- Giảng viên gọi đại diện một số nhóm chia sẻ ý kiến của nhóm mình về những điều mà em đã biết, những điều em muốn biết liên quan đến nhiệm vụ học tập được giao.

- Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu có).

- Giảng viên có thể bổ sung thêm một số câu hỏi và hướng dẫn sinh viên trả lời để làm nổi bật kiến thức trọng tâm của bài học.

4. Tổng kết, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm

- Tổng kết kiến thức của bài học

❖ Đặc điểm của môn Tự nhiên và Xã hội

- Vị trí: Trong chương trình GDPT mới, môn Tự nhiên và Xã hội được dạy từ lớp 1-3 ở cấp tiểu học và là môn học bắt buộc. Môn học được dạy trong 35 tuần, mỗi tuần 2 tiết với tổng số tiết là 70 tiết trong một năm học ở mỗi lớp.

- Vai trò của môn học

+ Môn học trang bị cho học sinh một số hiểu biết cơ bản ban đầu về con người, về các sự vật, hiện tượng, về các mối quan hệ trong thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh và những kỹ năng học tập cơ bản như: quan sát, nhận xét, nêu thắc mắc, đặt câu hỏi, tìm thông tin, xử lý thông tin và trình bày những ý tưởng khoa học đơn giản bằng nhiều hình thức khác nhau (nói, viết, vẽ, biểu đồ,...)

+ Hình thành cho học sinh những phẩm chất và năng lực chung được quy định trong Chương trình GDPT và bước đầu hình thành cho học sinh năng lực khoa học

+ Môn học cung cấp cơ sở quan trọng cho việc học tập các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở các lớp 4, 5 của cấp tiểu học cũng như các môn Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội ở các cấp học trên.

- Quan hệ của môn học với các môn học/hoạt động giáo dục khác: môn học có mối liên hệ mật thiết và hỗ trợ cho việc học tập các môn học/hoạt động giáo dục khác ở cấp tiểu học như môn Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm,...

❖ **Quan điểm xây dựng chương trình**

- Dạy học tích hợp: coi con người tự nhiên và xã hội là một chỉnh thể thống nhất có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó con người là cầu nối giữa Tự nhiên và xã hội.

- Dạy học theo chủ đề: 6 chủ đề (Gia đình; trường học; cộng đồng địa phương; thực vật và động vật; con người và sức khỏe; trái đất và bầu trời). các chủ đề được phát triển theo hướng mở rộng từ lớp 1 → lớp 3.

- Tích cực hóa hoạt động của HS: hoạt động trải nghiệm, tìm hiểu, điều tra, khám phá; HS học tập theo nhóm để tạo ra sản phẩm ...

❖ **Mục tiêu chương trình môn TN & XH**

- *Phân biệt mục tiêu chương trình TN & XH 2018 so với 2000*

Chương trình môn TN & XH 2018	Chương trình môn TN & XH 2000
Cấu trúc nội dung mục tiêu bao gồm: - Những phẩm chất chủ yếu (5PC) - Năng lực: năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học	Cấu trúc nội dung mục tiêu bao gồm: - Kiến thức - Kỹ năng - Thái độ

- Mục tiêu chương trình

Môn Tự nhiên và xã hội góp phần giúp học sinh hình thành và phát triển tình yêu con người, thiên nhiên; tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống; các năng lực chung và năng lực khoa học của môn học.

❖ **Yêu cầu cần đạt**

- **Về phẩm chất:** Yêu nước (yêu thiên nhiên, quê hương và con người, tự hào và bảo vệ thiên nhiên, di sản và con người); Nhân ái (yêu quý, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình; tôn trọng bạn bè, thầy cô); Chăm chỉ (ham học, có tinh thần tự học; tham gia các công việc của gia đình, trường và lớp); Trung thực (khi báo cáo kết quả làm việc cá nhân/nhóm hay nhận xét sản phẩm làm việc của người khác); Trách nhiệm (ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng; sử dụng tiết kiệm, bảo vệ đồ dùng của gia đình và xã hội; chăm sóc, bảo vệ thực vật và động vật).

- **Về năng lực**

+ Năng lực chung: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ Năng lực đặc thù

Nhận thức khoa học	Tìm hiểu MT TN&XH xung quanh	Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ thường gặp trong MTTN và XH xung quanh như: sức khỏe và sự an toàn trong cuộc sống, mối quan hệ của HS với GD, nhà trường, cộng đồng và thế giới tự nhiên,... - Mô tả được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh bằng các hình thức biểu đạt như nói, viết, vẽ,... - Trình bày được một số đặc điểm, vai trò của một số sự vật, hiện tượng thường gặp trong môi trường TN&XH xung quanh - So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt được các câu hỏi đơn giản về các sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh - Quan sát, thực hành đơn giản để tìm hiểu được về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh - Nhận xét được về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống và khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian một cách đơn giản thông qua kết quả quan sát, thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh - Phân tích được tình huống liên quan đến vấn đề an toàn, sức khỏe của bản thân, người khác và môi trường sống xung quanh - Giải quyết được vấn đề, đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản); trao đổi, chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện; nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống

6.1.1.5. Nội dung giáo dục

Mạch nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3
Gia đình	- Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình	- Các thế hệ trong gia đình	- Họ hàng nội, ngoại

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà - Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình - Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà - Giữ vệ sinh nhà ở 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình - Phòng tránh hoạ hoạn khi ở nhà - Giữ vệ sinh xung quanh nhà
Trường học	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở vật chất của lớp học và trường học - Các thành viên và nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học, trường học - Hoạt động chính của học sinh ở lớp học và trường học - An toàn khi vui chơi ở trường và giữ lớp học sạch đẹp 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số sự kiện thường được tổ chức ở trường học - Giữ an toàn và vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động kết nối với xã hội của trường học - Truyền thống nhà trường - Giữ an toàn và vệ sinh ở trường hoặc khu vực xung quanh trường
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Quang cảnh làng xóm, đường phố - Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng - An toàn trên đường 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động mua bán hàng hoá - Hoạt động giao thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hoạt động sản xuất - Một số di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên

Thực vật và động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Thực vật và động vật xung quanh - Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường sống của thực vật và động vật - Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật 	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ phận của thực vật, động vật và chức năng của các bộ phận đó - Sử dụng hợp lí thực vật và động vật
Con người và sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể - Giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận dụng, hô hấp, bài tiết nước tiểu - Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số cơ quan bên trong cơ thể: tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh - Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể
Trái đất và bầu trời	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu trời ban ngày, ban đêm - Thời tiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các mùa trong năm - Một số thiên tai thường gặp 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương hướng - Một số đặc điểm của Trái Đất - Trái Đất trong hệ Mặt Trời

V. Câu hỏi hướng dẫn ôn tập, định hướng thảo luận, bài tập thực hành vận dụng

Nêu quan điểm xây dựng chương trình môn TN-XH, cho ví dụ minh họa.

VI. Nội dung chuẩn bị cho bài sau

Đọc tài liệu theo hướng dẫn trong nội dung Hoạt động học hàng tuần (Mục 14.2), Đề cương chi tiết học phần.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Để vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, cần tuân thủ các nguyên tắc: (1) Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học, (2) Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm phát triển của sinh viên, (3) Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn.

Quy trình thiết kế các hoạt động học tập trong học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học được tiến hành theo các bước sau: (1) Xác định mục tiêu, nội dung của bài học; (2) Lựa chọn kỹ thuật; (3) Thiết kế các hoạt động học tập có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực.

Dựa trên các nguyên tắc thiết kế và quy trình thiết kế, chúng tôi đã thiết kế một số nội dung bài học vận dụng kỹ thuật dạy học mảnh ghép, kỹ thuật dạy học khăn trải bàn và kỹ thuật dạy học KWL trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học nhằm nâng cao chất lượng dạy học đồng thời phát huy tính tích cực trong học tập của sinh viên.

CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm

Tiến hành thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi của kế hoạch dạy học có vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực đã thiết kế trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.

3.2. Nội dung thực nghiệm

Căn cứ vào tiến trình dạy học trong Đề cương chi tiết học phần, chúng tôi chọn các nội dung thực nghiệm sau:

TT	Nội dung thực nghiệm	Địa điểm		KTDH tích cực sử dụng
		Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng	
1	Chương 5. Kiểm tra đánh giá trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 5.3. Một số hình thức kiểm tra, đánh giá - Tìm hiểu một số loại công cụ đánh giá	D15TH2 (33 sinh viên)	D15TH3 (31 sinh viên)	Mảnh ghép
2	Chương 7. Hướng dẫn dạy học môn Khoa học 7.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Khoa học lớp 4, 5 - Tìm hiểu chương trình môn Khoa học lớp 4, 5 - Tìm hiểu về sách giáo khoa môn Khoa học lớp 4,5	D15TH2 (33 sinh viên)	D15TH3 (31 sinh viên)	- KWL - Khăn trải bàn

3.3. Tiến trình thực nghiệm

3.3.1. Thời gian thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm vào học kì II năm học 2023 – 2024 (từ tháng 1/2024 đến tháng 4/2024)

3.3.2. Đối tượng thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành lựa chọn lớp thực nghiệm dựa trên nguyên tắc đảm bảo tính đồng đều về trình độ nhận thức, năng lực tư duy.

- Lớp thực nghiệm: GV tổ chức dạy học theo kế hoạch bài giảng có vận dụng KTDH tích cực (lớp D15TH3 có 31 SV).

- Lớp đối chứng: GV tổ chức dạy học theo PPDH truyền thống (lớp D15TH2 có 33 SV).

3.3.3. Bố trí thí nghiệm

Để tiến hành thực nghiệm, chúng tôi khái quát một số bước sau:

- Bước 1. Sự chuẩn bị của giảng viên và sinh viên

+ Giảng viên xây dựng kế hoạch dạy học một cách chi tiết; Chuẩn bị phương tiện dạy học cần thiết

+ Sinh viên: học bình thường theo thời khoá biểu

- Bước 2. Thực nghiệm

+ Tiến hành song song trên 2 nhóm lớp thực nghiệm do cùng một giảng viên dạy.

+ Trong các tiết học, Giảng viên cần thực hiện các bước: Giao nhiệm vụ học tập – Tổ chức thực hiện nhiệm vụ (theo cá nhân/theo nhóm, trong quá trình sinh viên thực hiện nhiệm vụ giảng viên theo dõi, hỗ trợ) – Tổ chức báo cáo kết quả/thảo luận – giảng viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

- Bước 3. Thu thập, phân tích, đánh giá kết quả thực nghiệm

Việc thu thập thông tin để phân tích, đánh giá kết quả thực nghiệm được thực hiện thông qua phiếu hỏi đối với sinh viên trước và sau khi tiến hành thực nghiệm sư phạm; qua quan sát trực tiếp người học khi tham gia các hoạt động nhóm trong các giờ học (quan sát sinh viên có tích cực, chủ động, sáng tạo không; có sẵn sàng hợp tác, chia sẻ ý tưởng, hỗ trợ bạn bè trong hoạt động nhóm hay không;...) để đánh giá tính tích cực trong học tập của sinh viên.

3.4. Kết quả thực nghiệm

3.4.1. Kết quả điều tra phiếu hỏi sinh viên

3.4.1.1. Đối với lớp đối chứng

Với lớp đối chứng kết quả phiếu điều tra sinh viên với các câu hỏi ở các mức độ khác nhau thu được ở bảng sau:

Bảng 3.1. Kết quả điều tra phiếu hỏi sinh viên lớp đối chứng

Câu hỏi	Mức độ đồng ý (%)			
	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1. Em thấy nội dung kiến thức của bài dễ hiểu	0	29,03	54,84	16,13
2. Bài học giúp em dễ dàng hoàn thành nhiệm vụ được giao	12,90	38,71	45,16	3,23
3. Em ghi nhớ tốt những điều đã được học	16,13	41,95	32,26	9,66

4. Các nhiệm vụ học tập được giao em phát triển khả năng sáng tạo	0	6,45	77,42	16,13
5. Bài học giúp em có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm tốt	0	0	81,82	18,18
6. Bài học giúp em nâng cao năng lực thuyết trình	6,45	41,95	38,71	12,89

Kết quả khảo sát cho thấy có 58,08% SV cho rằng bài học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu giúp các em ghi nhớ tốt những điều đã được học; Có tới 93,55% SV cho rằng bài học không giúp các em phát triển khả năng sáng tạo; bài học chưa giúp sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm tốt; có 51,6% SV lựa chọn không nâng cao năng lực thuyết trình. Do vậy, dẫn đến tình trạng sinh viên chưa hứng thú nhiều với môn học.

3.4.1.2. Đối với lớp thực nghiệm

Sau khi vận dụng KTDH tích cực, chúng tôi tiến hành khảo sát sinh viên ở lớp thực nghiệm, kết quả thu được như sau:

Bảng 3.2. Kết quả điều tra phiếu hỏi sinh viên lớp thực nghiệm

Câu hỏi	Mức độ đồng ý (%)			
	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1. Em thấy nội dung kiến thức của bài dễ hiểu	32,26	48,39	12,90	6,45
2. Bài học giúp em dễ dàng hoàn thành nhiệm vụ được giao	25,81	54,84	6,45	6,45
3. Em ghi nhớ tốt những điều đã được học	32,26	64,51	3,23	0
4. Các nhiệm vụ học tập được giao em phát triển khả năng sáng tạo	22,58	54,84	16,13	6,45
5. Bài học giúp em có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm tốt	25,81	38,71	35,48	0
6. Bài học giúp em nâng cao năng lực thuyết trình	19,36	64,51	16,13	0

Thông qua bảng kết quả nhận thấy môn Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học được xây dựng giúp sinh viên giảm bớt các kiến thức phần khó hiểu. Trong đó “Bài học giúp em dễ dàng hoàn thành nhiệm vụ được giao” với 80,65% ý kiến đồng ý và “Em ghi nhớ tốt những điều đã được học” với 96,77% ý kiến đồng ý

và “Các nhiệm vụ học tập được giao em phát triển khả năng sáng tạo” với 77,42% ý kiến đồng ý. Bên cạnh đó việc vận dụng KTDH tích cực, giúp sinh viên phát triển các năng lực khác như giải quyết vấn đề, thuyết trình,...

3.4.2. Kết quả đánh giá tính tích cực học tập của sinh viên

Để đánh giá hiệu quả của việc vận dụng KTDH tích cực vào hoạt động nhóm, chúng tôi đã xây dựng một bảng tiêu chí gồm 8 tiêu chí đánh giá cụ thể, theo 3 mức độ (tốt, khá, trung bình) nhằm đo lường mức độ tích cực trong học tập của sinh viên. Các tiêu chí không chỉ giúp nhận biết được tính chủ động, sáng tạo của sinh viên mà còn cung cấp cơ sở để so sánh kết quả giữa hai nhóm lớp: đối chứng và thực nghiệm.

Bảng 3.3. Bảng tiêu chí đánh giá tính tích cực học tập của sinh viên khi tham gia hoạt động nhóm

Tiêu chí	Mức độ		
	Tốt	Khá	Trung bình
1. Mức độ tham gia hoạt động học tập	Rất tích cực, chủ động tham gia tất cả các hoạt động học tập	Tham gia thường xuyên, tích cực nhưng ở mức khá	Tham gia không đều, thiếu tích cực
2. Tinh thần hợp tác	Luôn sẵn sàng hợp tác với bạn, tích cực đóng góp các ý kiến hỗ trợ nhóm để giải quyết nhiệm vụ học tập	Hợp tác tương đối tốt, đôi khi còn thụ động	Ít hợp tác, có xu hướng làm việc độc lập hoặc chỉ trao đổi một cách hạn chế, còn để GV nhắc nhở
3. Khả năng tư duy phản biện	Biết cách phân tích vấn đề, đặt được câu hỏi sâu sắc, phản biện lại các câu hỏi một cách hợp lý logic	Có phản biện nhưng còn hạn chế	Ít hoặc không có phản biện, thường chỉ tiếp nhận thông tin từ GV mà không đặt được câu hỏi hoặc đề xuất ý kiến phản biện
4. Tính sáng tạo trong học tập	Có ý tưởng sáng tạo, độc đáo hoặc có thể đề xuất được	Có sáng tạo nhưng chưa thật sự nổi bật	Hạn chế, thường chỉ bám sát theo hướng dẫn của

	cách tiếp cận vấn đề theo hướng mới		GV, không đưa ra được ý tưởng mới
5. Sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực	Linh hoạt, có hiệu quả cao đối với các KTDH tích cực	Đúng yêu cầu, có đem lại hiệu quả nhưng chưa cao	Còn hạn chế, không có hiệu quả
6. Khả năng tự học, tự nghiên cứu	Chủ động tìm kiếm tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp	Tự học ở mức khá, đôi khi còn phụ thuộc	Tính tự học hạn chế, thiếu sự chuẩn bị bài học trước khi lên lớp.
7. Thái độ học tập	Nghiêm túc, luôn chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng hạn	Tương đối chủ động, đôi khi cần nhắc nhở	Thụ động, chậm trễ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ
8. Kết quả hoạt động học tập	Hoàn thành nhanh, đúng, đầy đủ các yêu cầu của nhiệm vụ học tập được giao	Hoàn thành đúng thời gian quy định; đáp ứng được các yêu cầu đối với nhiệm vụ học tập được giao	Chậm chể trong việc hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành đủ các nhiệm vụ được giao

Sau đây là bảng số liệu tổng hợp thể hiện sự khác nhau trong quá trình tham gia hoạt động nhóm của các nhóm sinh viên ở hai lớp đối chứng và thực nghiệm theo các tiêu chí đánh giá ở bảng trên.

Bảng 3.4. Bảng kết quả đánh giá tính cực trong học tập của sinh viên

Tiêu chí	Mức độ	Lớp đối chứng (%)	Lớp thực nghiệm (%)
1. Mức độ tham gia hoạt động học tập	Tốt	15,15	83,87
	Khá	69,70	16,13
	Trung bình	15,15	0
2. Tinh thần hợp tác	Tốt	12,12	87,10
	Khá	75,76	12,90
	Trung bình	12,12	0
3. Khả năng tư duy phản biện	Tốt	15,15	48,39
	Khá	60,61	38,71
	Trung bình	24,24	12,9
4. Tính sáng tạo trong học tập	Tốt	9,09	41,94

	Khá	24,24	48,39
	Trung bình	66,67	9,67
5. Sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực	Tốt	6,06	64,52
	Khá	48,48	25,81
	Trung bình	45,46	9,67
6. Khả năng tự học, tự nghiên cứu	Tốt	30,30	54,84
	Khá	45,45	35,49
	Trung bình	24,25	9,67
7. Thái độ học tập	Tốt	42,42	70,97
	Khá	48,48	22,58
	Trung bình	9,10	6,45
8. Kết quả hoạt động học tập	Tốt	27,27	74,19
	Khá	54,55	22,58
	Trung bình	18,18	3,23

Qua bảng số liệu trên ta thấy:

- Lớp thực nghiệm có tỷ lệ sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động chiếm 83,87% cao hơn rõ rệt so với lớp đối chứng (15,15%).

- Có tới 87,10% sinh viên lớp thực nghiệm thể hiện tinh thần hợp tác tốt hơn so với lớp đối chứng (12,12%); Lớp đối chứng có tới 12,12% sinh viên ít hợp tác trong khi lớp thực nghiệm không có.

- Đối với tiêu chí đánh giá về khả năng tư duy phản biện và sáng tạo ở lớp thực nghiệm đều vượt trội hơn so với lớp đối chứng, với tỷ lệ sinh viên thuộc mức độ “Tốt” cao hơn gấp khoảng 3 – 4 lần so với lớp đối chứng.

- Về tiêu chí sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực: Sinh viên ở lớp thực nghiệm thể hiện khả năng sử dụng linh hoạt và hiệu quả đối với các KTDH tích cực với mức độ “Tốt” đạt 64,52%, trong khi đó mức độ này lớp đối chứng chỉ đạt 15%.

- Nhìn chung tỷ lệ sinh viên chủ động tìm kiếm tài liệu, chuẩn bị bài trước khi lên lớp và sự tích cực trong hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở mức “Tốt” vẫn thấp hơn so với lớp thực nghiệm.

- Tiêu chí về kết quả hoạt động học tập cho thấy tỷ lệ sinh viên hoàn thành các bài tập/nhiệm vụ được giao một cách nhanh chóng, đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ ở lớp thực nghiệm là 74,19%, trong khi đó mức này ở lớp đối chứng chỉ đạt 27,27%.

Nói tóm lại, việc vận dụng các KTDH tích cực trong quá trình tổ chức dạy học trong lớp thực nghiệm đã cải thiện rõ rệt tính tích cực trong học tập của sinh viên, đặc biệt ở các tiêu chí về mức độ tham gia hoạt động, tinh thần hợp tác, sử dụng kỹ thuật

dạy học tích cực, tư duy phản biện, sáng tạo trong học tập và kết quả hoạt động học tập. Trong khi đó ở lớp đối chứng vẫn duy trì mức độ tích cực khá hoặc trung bình.

Ngoài việc phân tích định lượng ở trên, thông qua quá trình quan sát sinh viên chúng tôi còn nhận thấy:

- Lớp đối chứng: Sinh viên vẫn hoàn thành nhiệm vụ học tập, song thiếu sự sôi nổi, GV phải dành nhiều thời gian để nhắc nhở hoặc hướng dẫn trực tiếp.

- Lớp thực nghiệm: Sinh viên nhận thức, xác định nhanh các nhiệm vụ; hoàn thành các nhiệm vụ học tập vượt định mức về thời gian, khối lượng công việc được giao; khả năng tổng hợp kiến thức, tự học hỏi, suy nghĩa của sinh viên lớp thực nghiệm tốt hơn lớp đối chứng.

- Qua việc vận dụng KTDH tích cực trong quá trình tổ chức dạy học không chỉ giúp nâng cao hiệu quả bài học mà còn tạo môi trường học tập thân thiện, cởi mở cho sinh viên giúp các em yêu thích môn học hơn.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Trong quá trình thực nghiệm sư phạm, chúng tôi nhận thấy việc vận dụng một KTDH tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học đã giúp sinh viên hứng thú hơn trong quá trình học tập, sinh viên được trực tiếp trải nghiệm để lĩnh hội các tri thức nên không khí lớp học diễn ra sôi nổi, qua đó sinh viên chủ động sáng tạo hơn trong quá trình học tập.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc phát huy tính tích cực của sinh viên trong quá trình học tập ngày càng được quan tâm, đặc biệt là đối với ngành sư phạm tiểu học. Học phần “Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học” đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực chuyên môn cho sinh viên cũng như giúp phát huy tính tích cực của sinh viên. Thông qua kết quả nghiên cứu của đề tài chúng tôi rút ra kết luận:

1. Hệ thống hoá được cơ sở lí luận về 03 KTDH tích cực. Đề tài đã tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng vận dụng KTDH tích cực trong quá trình giảng dạy nói chung và trong học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học nói riêng. Kết quả điều tra thực trạng cho thấy việc vận dụng một số KTDH tích cực trong dạy học là điều cần thiết để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và phát huy tính tích cực trong học tập của sinh viên.

2. Trên cơ sở phân tích cấu trúc, nội dung kiến thức trong học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, chúng tôi đề xuất: 03 nguyên tắc thiết kế hoạt động học tập theo hướng vận dụng KTDH tích cực và quy trình thiết kế các hoạt động học có vận dụng KTDH tích cực trải qua 3 bước cơ bản. Từ các đề xuất này, chúng tôi thiết kế kế hoạch dạy học có áp dụng KTDH trong quá trình giảng dạy để tiến hành thực nghiệm sư phạm kiểm tra tính hiệu quả và khả thi của đề tài.

3. Kết quả thực nghiệm sư phạm đã chứng minh tính khả thi trong việc vận dụng một số KTDH phát huy tính tích cực trong học tập của sinh viên. Việc vận dụng này có tác động tích cực đến hiệu quả giảng dạy của giảng viên, phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên trong quá trình học, đồng thời góp phần hình thành các kĩ năng cần thiết cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

2. Kiến nghị

Do thời gian nghiên cứu có hạn nên đề tài có thể mở rộng để thực hiện thêm các KTDH tích cực khác nhằm phát huy tính tích cực của SV trong quá trình học tập.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

Bài báo đăng trên Tạp chí Thiết bị dạy học, tập 2, số 323 (tháng 10/2024), trang 217 – 220.

“Phát huy tính tích cực của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong học tập học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở bậc tiểu học thông qua kỹ thuật dạy học tích cực”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu Tiếng Việt

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt – Bỉ (2010). *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2015). *Lí luận dạy học hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Đại học Hoa Lu (2022). *Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, trình độ đào tạo Đại học*, Ban hành kèm theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lu.
- [4] Phạm Thị Thu Hiền (2017). *Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực để thiết kế các hoạt động học tập chương Sinh trưởng và phát triển – Sinh học 11 trung học phổ thông*, Luận văn thạc sĩ Sư phạm Sinh học, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Trần Bá Hoành (2002). “Những đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực”, *Tạp chí Giáo dục*, (32).
- [6] Đặng Thành Hưng (2002). *Dạy học hiện đại: lí luận, biện pháp, kỹ thuật*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội
- [7] Nguyễn Thị Phương Loan (2015). “Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong đào tạo giáo viên ở trường cao đẳng sư phạm Lạng Sơn”, *Tạp chí Giáo dục*, (369), 17-19.
- [8] Hoàng Phúc (2016). “Sử dụng một số kỹ thuật cơ bản trong dạy học môn Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên”, *Tạp chí Giáo dục số đặc biệt*, 171-173.
- [9] Trịnh Thị Minh Tâm (2014). *Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học môn Hóa lớp 11 ở trường Trung học phổ thông nhằm hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Vinh.
- [10] Nguyễn Cảnh Toàn (1997). *Quá trình dạy – tự học*, NXB Giáo dục.
- [11] Lưu Thu Thủy, Module TH 16, *Một số kỹ thuật dạy học tích cực ở tiểu học*.
- [12] Nguyễn Thị Thu Thủy (2020). “Thực trạng sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học vật lí tại các trường trung học phổ thông tỉnh Hưng Yên”, *Tạp chí Giáo dục*, (484), 55-56.
- [13]. Lê Thị Thanh Ty (2012). *Sử dụng kỹ thuật: KWL, khăn phủ bàn và các mảnh ghép trong dạy học phân môn Tiếng Việt lớp 8*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
- [14] Ngô Thị Hải Yến (2016). “Sử dụng các kỹ thuật dạy học hiện đại trong dạy học Địa lí tại trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành”, *Tạp chí Giáo dục số đặc biệt*, 117-120.

2. Tài liệu Tiếng Anh

- [15]. Blumenfeld, P.C., Soloway, E., Marx, R.W., Krajcik, J.S., Guzdial, M., & Plainsar, A (1991), "Motivating Project-Based Learning: Sustaining the Doing, Supporting the Learning", *Educational Psychologist*, 26(3-4), 369-398.
- [16]. Fischer, C., & Hebert, S. (2020), Technology Integration in Active Learning Classrooms, Educational Technology Research and Development.
- [17]. Johnson, D.W& Johnson, R.T. (1994), Cooperative Learning in the Classroom, Association for Supervision and Curriculum Development.
- [18]. Osborn, A.F. (1953), Applied Imagination: Principles and Procedures of Creative Problem-Solving, Charles Scribner's Sons.
- [19]. Piaget, J. (1954), The Construction of Reality in the Child. New York: Basic Books.
- [20]. Thomas, J.W. (2000), A review of Research on Project-Based Learning, The Autodesk Foundation.
- [21]. Vygotsky, L.S. (1978). Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes, Harvard University Press.



Phát huy tính tích cực của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong học tập học phần Phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội ở bậc Tiểu học thông qua kỹ thuật dạy học tích cực

Hoàng Phúc Ngân*, Nguyễn Thị Tố Uyên*

*ThS. Trường Đại học Hoa Lư

Received: 6/10/2024; Accepted: 13/10/2024; Published: 18/10/2024

Abstract: In response to the need for fundamental and comprehensive innovation in education and training, universities, especially teacher training schools, have made many efforts in recent years to innovate teaching methods, applying active teaching techniques to promote the positivity, initiative, self-awareness and creativity of learners. In the scope of this article, we mention the application of the "puzzle" teaching technique and the "tablecloth" technique to promote the active learning of students in teaching the subject of Natural - Social Teaching Methods in primary schools.

Keywords: Positivity, "puzzle" technique, "tablecloth" technique

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc phát huy tính tích cực của sinh viên (SV) trong quá trình học tập ngày càng được quan tâm, đặc biệt là đối với ngành Sư phạm Tiểu học. Học phần "Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học" đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực chuyên môn cho SV. Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy hiện nay cho thấy nhiều SV vẫn còn thiếu sự chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập. Điều này đặt ra yêu cầu cần thiết phải áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy nhằm khơi dậy và phát huy tối đa tiềm năng của SV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tính tích cực trong học tập

Tính tích cực là thái độ, hành vi và cách tiếp cận của con người đối với cuộc sống, công việc hoặc các hoạt động khác nhau một cách chủ động, lạc quan, hướng tới sự cải thiện. Trong bối cảnh giáo dục, tính tích cực đề cập đến việc SV tự giác, chủ động tham gia các hoạt động trong quá trình học tập với tinh thần say mê, đối mặt với mọi thử thách để đạt được mục tiêu.

2.2. Kỹ thuật dạy học tích cực

Để phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học cần sử dụng các PP, kỹ thuật dạy học tích cực. Kỹ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của GV và HS trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Với các kỹ thuật dạy học tích cực, người giáo viên giữ vai trò tổ chức và định hướng hoạt động, hỗ trợ và đánh giá hoạt động học tập của

HS; còn HS tự giác, tích cực và chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, từ đó chiếm lĩnh kiến thức, đồng thời phát triển các KN cũng như hoàn thiện các phẩm chất tốt đẹp.

Theo Nguyễn Lăng Bình, Nguyễn Phương Hồng, Đỗ Hương Trà hiện nay, hệ thống kỹ thuật dạy học bao gồm: kỹ thuật "Khăn trải bàn", kỹ thuật "Mảnh ghép", kỹ thuật "Bê cá", kỹ thuật "Sơ đồ tư duy", kỹ thuật "Động não",...

2.3. Thiết kế một số kế hoạch bài học vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực học tập của SV trong giảng dạy học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội (TNXH) ở Tiểu học

2.3.1. Vận dụng kỹ thuật dạy học khăn trải bàn vào dạy học học phần Phương pháp dạy học TNXH ở tiểu học

Kỹ thuật khăn trải bàn là một trong số các kỹ thuật dạy học tích cực, khuyến khích sự tham gia và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm. Kỹ thuật này thường được sử dụng để phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, tạo môi trường học tập tích cực, thúc đẩy tư duy phân biện của SV.

Cách thực hiện:

Chia HS thành các nhóm và phát cho mỗi nhóm một tờ giấy to (A0)

Trên giấy chia thành các phần, gồm phần chính giữa và các phần xung quanh. Phần xung quanh được chia theo số thành viên của nhóm.

Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, tập trung suy nghĩ trả lời câu hỏi/ nhiệm vụ theo cách nghĩ, cách hiểu riêng rồi viết vào phần giấy



của mình trên tờ giấy lớn.

Trên cơ sở ý kiến của mỗi cá nhân, HS thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến và viết vào phần chính giữa của tờ giấy.

Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm trước cả lớp; Các nhóm khác có thể bổ sung, phản hồi giúp tăng cường khả năng tương tác, học hỏi lẫn nhau; GV nhận xét, kết luận

Lưu ý khi sử dụng

Trong trường hợp nhóm có số SV đông, không đủ chỗ để viết trên khăn trải bàn thì GV có thể phát cho mỗi SV một mảnh giấy nhỏ để các em ghi ý kiến cá nhân, sau đó ghim hoặc dán vào phần xung quanh của khăn trải bàn.

Trong quá trình thảo luận thống nhất ý kiến, những ý kiến trùng nhau có thể ghim, dán chồng lên nhau. Những ý kiến không thống nhất, cá nhân có quyền báo lưu và được giữ ở phần xung quanh của khăn trải bàn.

Ưu, nhược điểm:

Ưu điểm: khuyến khích sự tham gia của mọi thành viên trong lớp, phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp, tạo môi trường học tập tích cực cho SV, giúp GV đánh giá người học một cách toàn diện hơn.

Nhược điểm: Do phải dành thời gian cho việc ghi ý kiến cá nhân, thảo luận và tổng hợp nên kĩ thuật này có thể tốn thời gian hơn so với các PP dạy học truyền thống; nếu nhóm quá đông hoặc không đồng đều về năng lực sẽ khó đảm bảo tất cả thành viên tham gia tích cực và có cơ hội được bày tỏ ý kiến.

Ví dụ minh họa

Vận dụng kĩ thuật dạy học khăn trải bàn trong dạy học nội dung “Định hướng đổi mới các phương pháp dạy học các môn học về TNXH”.

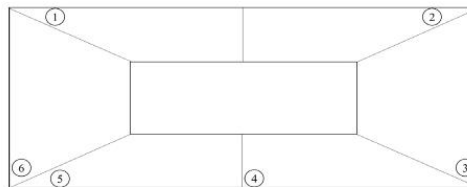
Lớp có 48 SV, chia thành 8 nhóm, mỗi nhóm 6 SV

GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy khổ lớn A0 và bút màu

Giao nhiệm vụ cho các nhóm: “Theo em, tại sao phải đổi mới các PP dạy học các môn học về TNXH ở tiểu học?”

GV giải thích kĩ thuật khăn trải bàn: Mỗi SV suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời của mình vào một góc của tờ giấy khổ A0; Sau thời gian làm việc cá nhân, các nhóm thảo luận, thống nhất đưa ra ý kiến chung và viết vào phần chính giữa của khổ giấy A0.

Tại sao phải đổi mới các phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học?



SV làm việc cá nhân trong vòng 7 phút ghi ra ý tưởng của mình vào các góc khác nhau của tờ giấy (mỗi người một góc)

Sau khi kết thúc thời gian làm việc cá nhân, nhóm thảo luận chung để tổng hợp và viết ra ý kiến chung của nhóm vào phần trung tâm của tờ giấy.

Báo cáo kết quả: Mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày; Nhóm khác lắng nghe, bổ sung thêm các ý kiến khác (nếu có).

GV nhận xét, tổng kết và làm rõ các điểm quan trọng.

2.3.2. Vận dụng kĩ thuật dạy học mảnh ghép vào dạy học học phần Phương pháp dạy học TNXH ở Tiểu học

Kĩ thuật mảnh ghép là kĩ thuật dạy học mang tính hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp. Mỗi nhóm chịu trách nhiệm nghiên cứu và trở thành chuyên gia về một phần của bài học, sau đó chia sẻ kiến thức đó với các nhóm khác. Kĩ thuật này nhằm mục đích khuyến khích sự tham gia tích cực của SV, tăng cường kĩ năng làm việc nhóm và đảm bảo rằng tất cả SV nắm vững nội dung bài học.

Cách tiến hành: Kỹ thuật mảnh ghép được chia làm 2 vòng, cụ thể:

Vòng 1: Nhóm chuyên gia

Chia lớp thành các nhóm nhỏ, số nhóm được chia bằng số nhiệm vụ được giao và số chuyên gia trong mỗi nhóm bằng hoặc lớn hơn số nhóm chuyên gia.

Giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi nhóm (Ví dụ: Nhóm 1 – Nhiệm vụ 1; Nhóm 2 – Nhiệm vụ 2; Nhóm 3 – Nhiệm vụ 3;...).

Mỗi nhóm tập trung nghiên cứu phần nội dung của nhóm mình. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thảo luận để hiểu rõ và nắm vững phần nội dung đó.

Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép

Sau khi cá nhân hoàn thiện việc nghiên cứu, HS từ mỗi nhóm sẽ tách ra và tạo thành các nhóm mới. Mỗi nhóm mới sẽ bao gồm một thành viên từ mỗi nhóm ban đầu, đảm bảo rằng mỗi nhóm mới có đủ



các “chuyên gia” về tất cả các phần của bài học.

Chia sẻ kiến thức: Trong nhóm mới, các “chuyên gia” lần lượt trình bày phần nội dung mà nhóm mình đã nghiên cứu. Các thành viên khác trong nhóm lắng nghe, ghi chép và đặt câu hỏi nếu cần.

Sau khi chia sẻ thông tin, nhiệm vụ mới sẽ được giao cho nhóm ở vòng 2 để giải quyết (yêu cầu nhiệm vụ mới phải mang tính khái quát, tổng hợp toàn bộ nội dung). Các nhóm mới trình bày, chia sẻ kết quả nhiệm vụ ở vòng 2.

Lưu ý khi sử dụng

GV cần chuẩn bị tài liệu và hướng dẫn cụ thể cho từng phần nội dung. Cần phân chia nhóm hợp lý, đảm bảo sự đồng đều về năng lực giữa các nhóm, sự đa dạng trong mỗi nhóm mới.

Ưu, nhược điểm:

Ưu điểm: phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp cho SV, phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập, phát triển tư duy phân biện ở người học, tạo được môi trường học tập đa dạng.

Nhược điểm: có thể mất thời gian, công sức đòi hỏi GV phải sắp xếp cẩn thận, kết quả buổi thảo luận phụ thuộc nhiều vào các nhóm chuyên gia

Ví dụ minh họa

Vận dụng kỹ thuật dạy học mảnh ghép trong dạy học nội dung “Một số PP dạy học chủ yếu của các môn TNXH ở tiểu học”

- Vòng 1. Nhóm chuyên gia

GV chia nhóm thành 02 cụm; mỗi cụm 04 nhóm, mỗi nhóm 6 SV (được đánh thứ tự lần lượt từ 1 đến 6), cụ thể: Cụm 1 gồm các nhóm: 1A, 2A, 3A, 4A; Cụm 2 gồm các nhóm 1B, 2B, 3B, 4B.

Giao nhiệm vụ cho từng nhóm, cụ thể:

Nhóm 1A, 1B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp quan sát

Nhóm 2A, 2B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp thảo luận

Nhóm 3A, 3B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp thực hành

Nhóm 4A, 4B: Tìm hiểu khái niệm, tác dụng và các bước tiến hành của phương pháp giải quyết vấn đề

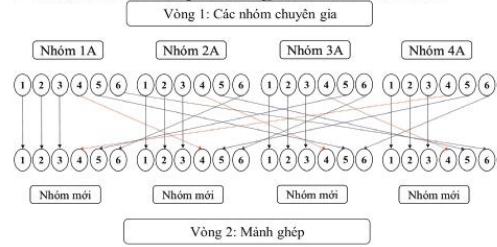
GV yêu cầu các nhóm thảo luận về nhiệm vụ được giao và ghi thông tin ra giấy. Thời gian hoàn thành 15 phút

- Vòng 2. Nhóm mảnh ghép

Các thành viên của nhóm “chuyên gia” được tách ra để hình thành nhóm mới “mảnh ghép”, cụ thể cách chia như sau:

Mỗi cụm chia thành 4 nhóm mới, mỗi nhóm gồm

6 bạn, sơ đồ đi chuyên trong một cụm như sau:



Chia sẻ kiến thức: Trong nhóm mới, các “chuyên gia” lần lượt trình bày phần nội dung mà nhóm mình đã nghiên cứu. Các thành viên khác trong nhóm lắng nghe, ghi chép và đặt câu hỏi nếu cần.

Sau khi kết thúc thời gian chia sẻ thông tin, GV yêu cầu các nhóm “mảnh ghép” tiếp tục thảo luận, trả lời 02 câu hỏi sau:

Câu hỏi 1: Trong các PP dạy học trên, em thấy PP nào phù hợp nhất để dạy môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học? Vì sao?

Câu hỏi 2: Theo em, làm thế nào để kết hợp hiệu quả các PP dạy học khác nhau trong một tiết học môn TNXH ở tiểu học.

Các nhóm “mảnh ghép” chia sẻ kết quả thảo luận nhiệm vụ ở vòng 2; Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

GV nhận xét, tổng kết kiến thức.

2.4. Thực nghiệm sư phạm

Nhóm tác giả đã tiến hành thực nghiệm giáo án có vận dụng một số kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực của SV trong dạy học học phần PP dạy học TNXH ở tiểu học. Trong quá trình thực nghiệm, thông qua việc theo dõi, đánh giá quá trình học tập của SV, dựa vào kết quả các bài kiểm tra và kết quả học tập của SV, chúng tôi nhận thấy việc vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình giảng dạy giúp SV hứng thú trong quá trình học tập, SV được trải nghiệm thực tế để lĩnh hội tri thức, tạo một không khí lớp học sôi nổi, qua đó SV phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập.

3. Kết luận

Mỗi kỹ thuật dạy học đều có những ưu, nhược điểm riêng song việc vận dụng một số kỹ thuật dạy học vào quá trình giảng dạy học phần PP dạy học TNXH ở tiểu học là rất cần thiết nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của SV; giúp SV hình thành những phẩm chất, KN cần thiết trong môi trường học tập đại học và chuẩn bị tốt cho sự nghiệp tương lai.



Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hà Nội
- [2]. Nguyễn Lăng Bình (2017), *Dạy và học tích cực, một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXBGD. Hà Nội
- [3]. Nguyễn Lăng Bình, Nguyễn Phương Hồng, Cao Thị Thặng, Đỗ Hương Trà (2010), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXBĐHSP. Hà Nội
- [4]. Nguyễn Văn Cường (2020), *Li luận dạy học hiện đại: cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, NXBĐHSP. Hà Nội
- [5] Nguyễn Thị Thu Thủy (2020), “*Thực trạng sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học vật lý tại các trường trung học phổ thông tỉnh Hưng Yên*”, Tạp chí Giáo dục. Hà Nội

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1. KẾ HOẠCH DẠY HỌC NỘI DUNG
TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH MÔN KHOA HỌC LỚP 4, 5
(Có vận dụng kĩ thuật dạy học KWL)

I. Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

1. Mục tiêu

Xác định được mục tiêu, nội dung chương trình môn Khoa học lớp 4, 5.

2. Nội dung của bài học: Tìm hiểu chương trình môn Khoa học lớp 4, 5.

II. Chuẩn bị

1. Giảng viên

- Tài liệu theo đề cương chi tiết học phần.
- Các tài liệu khác (hình ảnh, thông tin tra cứu qua internet, các tài liệu tham khảo khác)
- Bài giảng học phần.
- Phấn màu, phiếu học tập (nếu có),....

2. Người học

- Tài liệu học tập theo đề cương chi tiết học phần.
- Tự học theo nội dung hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các yêu cầu của học phần (Mục 13), Nội dung hoạt động học (Mục 14.2) được nêu trong Đề cương chi tiết.

III. Phương pháp dạy học

- PPDH: giảng giải, thảo luận, vấn đáp, tự học tự nghiên cứu
- KTDH: kĩ thuật KWL

IV. Nội dung bài giảng (Tổ chức dạy học)

1. Thành lập nhóm và giao nhiệm vụ học tập

❖ Thành lập nhóm

Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 sinh viên

❖ Giao nhiệm vụ học tập

Giảng viên yêu cầu sinh viên hoàn thành cột K, W trong phiếu học tập: Tìm hiểu về Chương trình môn Khoa học lớp 4, 5, theo gợi ý sau:

- Cột K: Em đã biết gì về Chương trình môn Khoa học: Vị trí? Vai trò? Các quan điểm xây dựng chương trình?
- Cột W: Điều em muốn biết thêm về Chương trình môn Khoa học: Các quan điểm xây dựng chương trình? Mục tiêu của chương trình? Phân biệt mục tiêu của chương trình cũ với chương trình mới?,....

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu về Chương trình môn Khoa học lớp 4, 5 ở tiểu học

K (Điều mà em đã biết)	W (Điều mà em muốn biết)	L (Điều mà em mới học được)
.....

- Thời gian hoàn thành 10 phút

2. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và thảo luận

- Giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu các thông tin trong giáo trình kết hợp với các kiến thức thực tế của bản thân để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

- Giảng viên tổ chức thảo luận theo nhóm của kỹ thuật KWL, trong quá trình tổ chức thảo luận giảng viên bao quát lớp, đi về các nhóm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận đề ra phương hướng giải quyết cho các nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thảo luận

- Giảng viên gọi đại diện một số nhóm chia sẻ ý kiến của nhóm mình về những điều mà em đã biết, những điều em muốn biết liên quan đến nhiệm vụ học tập được giao.

- Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu có).

- Giảng viên có thể bổ sung thêm một số câu hỏi và hướng dẫn sinh viên trả lời để làm nổi bật kiến thức trọng tâm của bài học.

4. Tổng kết, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm

- Tổng kết kiến thức của bài học

❖ Đặc điểm của môn Khoa học

Trên cơ sở kế thừa và phát triển môn Tự nhiên và Xã hội (ở các lớp 1, 2, 3), môn Khoa học (ở các lớp 4, 5) được xây dựng dựa trên nền tảng cơ bản, ban đầu của khoa học tự nhiên và các lĩnh vực nghiên cứu về giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường. Môn học đóng vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh học tập môn Khoa học tự nhiên ở cấp trung học cơ sở và các môn Vật lí, Hoá học, Sinh học ở cấp trung học phổ thông. Môn học chú trọng khơi dậy trí tò mò khoa học, bước đầu tạo cho học sinh cơ hội tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, học cách giữ gìn sức khỏe và ứng xử phù hợp với môi trường sống xung quanh.

❖ Quan điểm xây dựng chương trình

- Dạy học tích hợp: Chương trình môn Khoa học được xây dựng dựa trên quan điểm dạy học tích hợp nhằm bước đầu hình thành cho học sinh phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu thế giới tự nhiên; nhận thức cơ bản, ban đầu về môi trường tự nhiên, về con người, sức khỏe và an toàn; khả năng vận dụng kiến thức khoa học vào thực tiễn.

Môn học cũng chú trọng đến việc tích hợp giáo dục giá trị và kỹ năng sống ở mức độ đơn giản, phù hợp.

- Dạy học theo chủ đề Chương trình môn Khoa học tổ chức nội dung giáo dục theo các chủ đề: chất; năng lượng; thực vật và động vật; nấm, vi khuẩn; con người và sức khỏe; sinh vật và môi trường. Những chủ đề này được phát triển từ lớp 4 đến lớp 5.

- Tích cực hoá hoạt động của học sinh Chương trình môn Khoa học tăng cường sự tham gia tích cực của học sinh vào quá trình học tập.

* Chương trình lấy các sự vật, hiện tượng và các mối quan hệ trong tự nhiên làm yếu tố cốt lõi. Bởi vậy, việc tổ chức cho học sinh học tập phải đảm bảo:

- Tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với thiên nhiên.

- Hướng dẫn học sinh quan sát và thực nghiệm có mục đích, có ý thức.

- Bước đầu bồi dưỡng cho học sinh quan điểm và phương pháp tư duy khoa học .

* Tích hợp nội dung giáo dục sức khỏe với nội dung khoa học; chú trọng kỹ năng thực hành, nhằm giúp các em không chỉ có kiến thức về dinh dưỡng, vệ sinh cơ thể, bảo vệ môi trường sống và phòng ngừa bệnh tật mà còn biết thực hiện những hành vi có lợi cho sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

* Gắn liền những kiến thức khoa học với thực tiễn đời sống xã hội ở địa phương. Cụ thể là: Khai thác kinh nghiệm sống của học sinh, của gia đình và cộng đồng; Dành thời gian hợp lý cho các bài học những nội dung liên quan trực tiếp đến các vấn đề của địa phương (tài nguyên, môi trường, nghề nghiệp,...).

❖ Mục tiêu chương trình môn Khoa học

Môn Khoa học góp phần hình thành, phát triển ở học sinh tình yêu con người, thiên nhiên; trí tưởng tượng khoa học, hứng thú tìm hiểu thế giới tự nhiên; ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống.

Môn học góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Môn học góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học tự nhiên, giúp các em có những hiểu biết ban đầu về thế giới tự nhiên, bước đầu có kỹ năng tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh và khả năng vận dụng kiến thức để giải thích các sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống, ứng xử phù hợp bảo vệ sức khỏe của bản thân và những người khác, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường xung quanh.

❖ Yêu cầu cần đạt

- **Về phẩm chất:** Môn Khoa học góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

- **Về năng lực**

+ Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Khoa học góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

+ Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù Môn Khoa

Thành phần năng lực	Biểu hiện
Nhận thức khoa học tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên, nêu, nhận biết được một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống, bao gồm một số vấn đề về chất, năng lượng, thực vật, động vật, nấm và vi khuẩn, con người và sức khỏe, sinh vật và môi trường. - Trình bày được một số thuộc tính của một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống. - Mô tả được sự vật và hiện tượng bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, sơ đồ, biểu đồ. - So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật và hiện tượng dựa trên một số tiêu chí xác định. - Giải thích được về mối quan hệ (ở mức độ đơn giản) giữa các sự vật và hiện tượng (nhân quả, cấu tạo – chức năng,...).
Tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát và đặt được câu hỏi về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật bao gồm con người và vấn đề sức khỏe. - Đưa ra dự đoán về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng (nhân quả, cấu tạo – chức năng,...). - Đề xuất được phương án kiểm tra dự đoán. - Thu thập được các thông tin về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và sức khỏe bằng nhiều cách khác nhau (quan sát các sự vật và hiện tượng xung quanh, đọc tài liệu, hỏi người lớn, tìm trên Internet,...). - Sử dụng được các thiết bị đơn giản để quan sát, thực hành, làm thí nghiệm tìm hiểu những sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự

	nhiên và ghi lại các dữ liệu đơn giản từ quan sát, thí nghiệm, thực hành,... – Từ kết quả quan sát, thí nghiệm, thực hành,... rút ra được nhận xét, kết luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa sự vật, hiện tượng
Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	– Giải thích được một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật, bao gồm con người và các biện pháp giữ gìn sức khoẻ. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó vận dụng kiến thức khoa học và kiến thức kỹ năng từ các môn học khác có liên quan. – Phân tích tình huống, từ đó đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống có liên quan đến sức khoẻ của bản thân, gia đình, cộng đồng và môi trường tự nhiên xung quanh; trao đổi, chia sẻ, vận động những người xung quanh cùng thực hiện. – Nhận xét, đánh giá được phương án giải quyết và cách ứng xử trong các tình huống gắn với đời sống

❖ Lưu ý về các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Để có thể tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh, cần thiết kế các hoạt động học tập sao cho: Học sinh có nhiều cơ hội được tiếp với môi trường xung quanh, với thực tế cuộc sống hàng ngày, với thực tế địa phương nhiều hơn. Tổ chức nhiều hoạt động thực hành và thí nghiệm để dẫn dắt học sinh tự tìm tòi và phát hiện ra kiến thức, hạn chế chỉ sử dụng chúng như phương tiện minh họa kiến thức. Đồng thời cũng cần bồi dưỡng cho học sinh khả năng thực hành thông qua việc tự đề ra giả thuyết và tiến hành thí nghiệm. Để bồi dưỡng năng lực phán đoán, đặt vấn đề, nêu giả thuyết và giải quyết vấn đề, cần tích cực sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề. Cần lưu ý hình thành ở học sinh các kỹ năng làm việc với bảng tổng kết, số liệu, biểu, sơ đồ để phát triển khả năng tư duy trừu tượng cho học sinh.

Các phương pháp dạy học thường xuyên sử dụng ở môn học này là: Phương pháp quan sát, phương pháp thí nghiệm, phương pháp thực hành, đóng vai và truyền đạt.

Các hình thức tổ chức dạy học chủ yếu là dạy học theo nhóm, cá nhân, trò chơi học tập...

V. Câu hỏi hướng dẫn ôn tập, định hướng thảo luận, bài tập thực hành vận dụng

Nêu quan điểm xây dựng chương trình môn Khoa học ở tiểu học và cho ví dụ minh họa.

VI. Nội dung chuẩn bị cho bài sau

Đọc tài liệu theo hướng dẫn trong nội dung Hoạt động học hàng tuần (Mục 14.2), Đề cương chi tiết học phần.

PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH DẠY HỌC NỘI DUNG TÌM HIỂU SÁCH GIÁO KHOA KHOA HỌC LỚP 4, 5

(Có vận dụng kỹ thuật dạy học Khăn trải bàn)

I. Xác định mục tiêu, nội dung của bài học

1. Mục tiêu

Diễn giải được về cấu trúc sách giáo khoa, ý nghĩa các logo, cấu trúc bài học, các dạng bài có trong sách giáo khoa môn Khoa học lớp 4, 5.

2. Nội dung của bài học: Tìm hiểu về sách giáo khoa môn Khoa học lớp 4, 5.

II. Chuẩn bị

1. Giảng viên

- Tài liệu theo đề cương chi tiết học phần.
- Các tài liệu khác (hình ảnh, thông tin tra cứu qua internet, các tài liệu tham khảo khác)
- Bài giảng học phần.
- Bìa cứng, màu, giấy khổ A0,...

2. Người học

- Tài liệu học tập theo đề cương chi tiết học phần.
- Tự học theo nội dung hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các yêu cầu của học phần (Mục 13), Nội dung hoạt động học (Mục 14.2) được nêu trong Đề cương chi tiết.

III. Phương pháp dạy học

- PPDH: giảng giải, thảo luận, vấn đáp, tự học tự nghiên cứu
- KTDH: kỹ thuật khăn trải bàn

IV. Nội dung bài giảng (Tổ chức dạy học)

1. Thành lập nhóm và giao nhiệm vụ học tập

❖ Thành lập nhóm

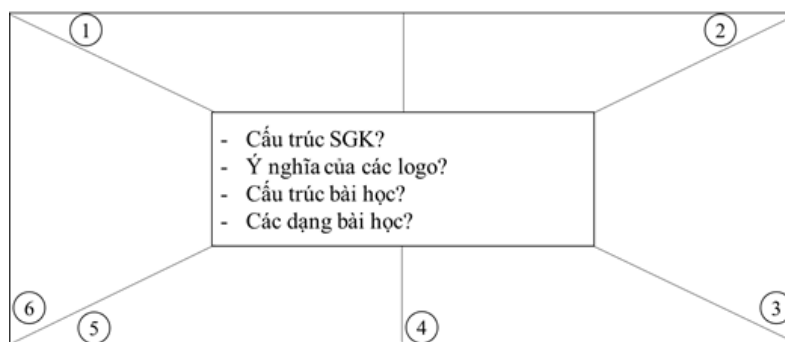
Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 sinh viên

❖ Giao nhiệm vụ học tập

- Giảng viên phát cho mỗi nhóm một phiếu học tập khổ giấy khổ A0
- Giảng viên giao nhiệm vụ cho các nhóm: “Tìm hiểu về sách giáo khoa môn Khoa học lớp 4, 5” bằng cách hoàn thành nội dung phiếu học tập theo kỹ thuật khăn trải bàn.

NHÓM:.....

Phiếu học tập: Tìm hiểu về SGK môn Khoa học lớp 4, 5



- Thời gian hoàn thành nhiệm vụ 10 phút

2. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và thảo luận

- Giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu các thông tin trong giáo trình để tìm hiểu các vấn đề theo nhiệm vụ của nhóm.

- Giảng viên tổ chức thảo luận theo nhóm của kỹ thuật khăn trải bàn, trong quá trình tổ chức thảo luận giảng viên bao quát lớp, đi về các nhóm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thảo luận đề ra phương hướng giải quyết cho các nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức thảo luận

- Giảng viên cử đại diện 1, 2 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.
- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn.
- Giảng viên có thể bổ sung thêm một số câu hỏi và hướng dẫn sinh viên trả lời để làm nổi bật kiến thức trọng tâm của bài học.

4. Tổng kết, đánh giá

- Giảng viên nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm
- Tổng kết kiến thức của bài học

❖ Cấu trúc chung của cuốn sách

Cuốn sách gồm 3 phần:

- Phần đầu: giới thiệu tên sách, các tác giả biên soạn sách, mục lục, lời nói đầu và giới thiệu các kí hiệu thường được sử dụng trong sách.

- Phần nội dung: có 6 chủ đề (Chất, Năng lượng, Thực vật và động vật, Nấm, Con người và sức khỏe, Sinh vật và môi trường) Trong mỗi chủ đề có nhiều bài. Cuối chủ đề là bài ôn tập.

- Phần thuật ngữ nằm ở cuối SGK : danh mục thuật ngữ được sắp xếp theo vần, các từ chuyên môn được nhắc đến ở các trang giúp cho người đọc dễ tra cứu.

❖ Ý nghĩa của các logo

Các hoạt động học tập được chỉ dẫn bằng các logo sinh động, hấp dẫn giúp giáo viên dễ dàng tổ chức các hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất.

❖ Cấu trúc bài học

Mỗi bài học trong sách giáo khoa Khoa học (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) có thời lượng từ 2 đến 3 tiết, mỗi tiết thường được thiết kế trên 2 trang. Tên bài học thể hiện nội dung cốt lõi của bài học đó.

Bài học được thiết kế thống nhất, hướng dẫn các hoạt động học tập bằng các kí hiệu biểu trưng cho các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

Các hoạt động học phổ biến trong mỗi bài học hình thành kiến thức mới có thể gồm các nhóm:

- Mở đầu: Dẫn dắt học sinh tiếp cận bài học mới bằng sự tò mò, kết nối các tri thức đã biết, định hướng vào vấn đề sẽ học với hứng thú của nhà nghiên cứu.

- Hoạt động khám phá: Xây dựng tri thức mới dựa trên trải nghiệm của học sinh. HS thực hiện các hoạt động học tập như đọc hiểu các “Thông tin khoa học”, trực tiếp “Thực hiện thí nghiệm” theo từng bước hay các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên để tìm tòi, khám phá tri thức. Hoạt động trực tiếp tham gia hay trực tiếp quan sát các hình ảnh, thí nghiệm, quá trình thử nghiệm và trải nghiệm để phát hiện, hình thành tri thức mới và vận dụng tri thức mới vào các tình huống giả định/tình huống trong thực tế cuộc sống.

- Hoạt động câu hỏi: Học sinh tự trả lời câu hỏi, thực hiện bài tập vận dụng gắn với thực tế, giúp học sinh hiểu rõ vấn đề nghiên cứu, phát triển năng lực tư duy, năng lực vận dụng kiến thức đã học, giúp giáo viên đánh giá được kết quả học tập của học sinh.

Xen kẽ một số hoạt động học tập có phần “Em có biết?” giúp học sinh mở rộng kiến thức liên quan đến bài học, tuy nhiên không bắt buộc ở tất cả các bài học. Cuối mỗi bài học có hai mục: “Em đã học” giúp tổng hợp kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học; “Em có thể”: Gợi ý một số hoạt động thực tiễn thể hiện yêu cầu tối thiểu về năng lực của HS trong việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống của cuộc sống liên quan đến nội dung đã học

Cấu trúc bài Ôn tập cuối chủ đề gồm hai nhóm hoạt động học tập chính: Mở đầu; Thực hành và vận dụng. Các hoạt động học tập trong bài ôn tập bao gồm bài tập hệ thống hoá kiến thức, bài tập vận dụng xử lí tình huống, bài tập tổng kết hoạt động đã thực hiện trong các bài học (nếu có).

V. Câu hỏi hướng dẫn ôn tập, định hướng thảo luận, bài tập thực hành vận dụng

Nêu cấu trúc của sách giáo khoa môn Khoa học? Vai trò tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh ở kênh chữ, kênh hình trong sách giáo khoa môn Khoa học được thể hiện như thế nào?

Sự khác biệt trong cách trình bày của sách giáo khoa mới so với sách giáo khoa cũ ở đặc điểm nào?

VI. Nội dung chuẩn bị cho bài sau

Đọc tài liệu theo hướng dẫn trong nội dung Hoạt động học hàng tuần (Mục 14.2), Đề cương chi tiết học phần.

PHỤ LỤC 3
PHIẾU KHẢO SÁT
(Dành cho Giảng viên)

Kính gửi Quý Thầy/Cô giáo!

Hiện nay chúng tôi đang tiến hành nghiên cứu đề tài: “*Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học*”. Với mong muốn thu thập dữ liệu về thực trạng vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình giảng dạy nói chung và học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học nói riêng nhằm phát huy được tính tích cực trong học tập của sinh viên, đây là cơ sở để đề tài đề xuất được các biện pháp. Chúng tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ từ phía các thầy cô bằng việc hoàn thành thông tin và trả lời các câu hỏi trong phiếu điều tra.

Trân trọng cảm ơn Quý Thầy/Cô!

Phần thông tin:

1. Học phần Thầy/Cô đảm nhiệm dạy:.....

2. Số năm công tác trong ngành giáo dục của Thầy (Cô):

Phần khảo sát:

Câu 1. Thầy (cô) có hiểu rõ về kỹ thuật dạy học tích cực không?

A. Hiểu rất rõ

B. Hiểu ở mức cơ bản

C. Hiểu một phần

D. Chưa hiểu rõ

Câu 2. Thầy (cô) hiểu thế nào về kỹ thuật dạy học tích cực?

A. KTDH tích cực là những tác động, cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.

B. KTDH tích cực là những biện pháp, cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong các tình huống, hành động nhằm giải quyết các nhiệm vụ, nội dung cụ thể.

C. KTDH tích cực là những kỹ thuật có nghĩa và tác dụng trong quá trình dạy học, kích thích sự tư duy, sáng tạo và tạo hứng thú cho sinh viên trong quá trình giảng dạy

Câu 3. Thầy (cô) đã tìm hiểu về kỹ thuật dạy học tích cực bằng những cách nào?

A. Qua các buổi tập huấn, hội thảo chuyên môn, lớp học, chương trình đào tạo chính thức.

- B. Qua sự trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp
- C. Qua các nguồn trực tuyến
- D. Qua các tài liệu tham khảo như: sách, báo, tạp chí.

Câu 4. Thầy (cô) đã từng áp dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình giảng dạy chưa?

- A. Chưa từng áp dụng
- B. Hiếm khi áp dụng
- C. thỉnh thoảng áp dụng
- D. Thường xuyên áp dụng

Câu 5. Theo thầy (cô) khi vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực vào quá trình giảng dạy sẽ giúp cải thiện những khía cạnh nào trong quá trình học tập của sinh viên?

- A. Tăng cường sự chủ động và tham gia của sinh viên
- B. Cải thiện kỹ năng làm việc nhóm
- C. Tư duy phản biện và sáng tạo
- D. Sự hứng thú và động lực học tập của sinh viên

Câu 6. Thầy (cô) cho biết đánh giá của mình về sự cần thiết của việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học?

- A. Không cần thiết
- B. Ít cần thiết
- C. Cần thiết
- D. Rất cần thiết

Câu 7. Thầy (cô) cho biết mức độ vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình dạy học học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học?

TT	Kỹ thuật dạy học tích cực	Mức độ thường xuyên			
		Không vận dụng	Hiếm khi vận dụng	Thỉnh thoảng sử dụng	Thường xuyên sử dụng
1	Khăn trải bàn				
2	Mảnh ghép				
3	Sơ đồ tư duy				
4	KWL				
5	Động não				
6	Bể cá				

7	Tia chớp				
8	Kỹ thuật khác.....				

Câu 8. Thầy (cô) cho biết những khó khăn mà thầy cô gặp phải khi áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy?

- A. Điều kiện trang thiết bị, phương tiện dạy học còn hạn chế
- B. Giáo viên phải dành nhiều thời gian, công sức
- C. Năng lực, kinh nghiệm còn hạn chế
- D. Sự tích cực của sinh viên

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của Quý Thầy/Cô giáo!

PHỤ LỤC 4
PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho Sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư)

Câu 1. Theo bạn, kĩ thuật dạy học tích cực là gì?

- A. Phương pháp dạy học có áp dụng nhiều công nghệ hiện đại
- B. Phương pháp dạy học trong đó có nhiều hoạt động hỗ trợ nhằm làm sinh động giờ học
- C. Phương pháp dạy học tập trung vào việc phát huy tính tích cực, chủ động của người học

Câu 2. Bạn đã được tiếp cận với khái niệm kĩ thuật dạy học tích cực qua các kênh nào?

- A. Qua bài giảng trên lớp
- B. Qua tài liệu tham khảo, sách báo
- C. Qua phương tiện truyền thông: tivi, internet

Câu 3. Bạn có biết các kĩ thuật dạy học tích cực sau đây không?

TT	Kĩ thuật dạy học tích cực	Mức độ thường xuyên			
		Không biết	Nghe qua nhưng không rõ	Hiểu cơ bản	Hiểu rõ
1	Khăn trải bàn				
2	Mảnh ghép				
3	Sơ đồ tư duy				
4	KWL				
5	Động não				
6	Bể cá				

Câu 4. Theo em, hiệu quả sau mỗi giờ học khi giảng viên sử dụng kĩ thuật dạy học tích cực như thế nào?

- A. Dễ tiếp thu bài.
- B. Nhớ kiến thức lâu hơn.
- C. Lôi cuốn, thu hút.
- D. Rèn một số kĩ năng như làm việc nhóm, tư duy phản biện,...

Câu 4. Em hãy cho biết một số khó khăn gặp phải của bản thân khi được trải nghiệm các giờ học có vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực?

.....

.....

.....

